TPBank

2021

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

TPBank

Vì chúng tôi hiểu bạn

KHẲNG ĐỊNH VỊ THẾ TIÊN PHONG DẪN ĐẦU

Kiên trì theo đuổi chiến lược ngân hàng số từ rất sớm, TPBank của ngày hôm nay đã là Ngân hàng của Kỷ nguyên số khi không chỉ là ngân hàng số 1 về hạ tầng kỹ thuật và nguồn nhân lực công nghệ mà còn sở hữu một hệ sinh thái số toàn diện ở mọi kênh giao tiếp khách hàng. Hiệu quả của hành trình số đã mang tới cho TPBank đà tăng trưởng lợi nhuận 40%/năm, số lượng khách hàng tăng 30%/năm (đạt 5 triệu khách hàng năm 2021), nâng mức tổng tài sản lên 295.000 tỷ đồng.

Đặt trọng tâm xây dựng các nền tảng công nghệ mới, xây dựng kho dữ liệu lớn và áp dụng năng lực phân tích dữ liệu vào hành trình số hóa, TPBank luôn "đi trước thị trường một bước" về chuyển đổi số, không ngừng đổi mới để đem tới những giải pháp riêng biệt cũng như trải nghiệm sản phẩm và dịch vụ tốt nhất cho khách hàng.

Hội đồng quản trị, Ban điều hành cùng toàn thể cán bộ nhân viên TPBank luôn đặt quyết tâm cao nhất để đưa TPBank phát triển mạnh mẽ, trong đó sự hiệu quả, minh bạch và vững mạnh luôn song hành cùng tầm nhìn và chiến lược Số toàn diện sẽ mang lại những giá trị bền vững cho cổ đông, khách hàng và nhà đầu tư.

TPBank

Vì chúng tôi hiểu bạn

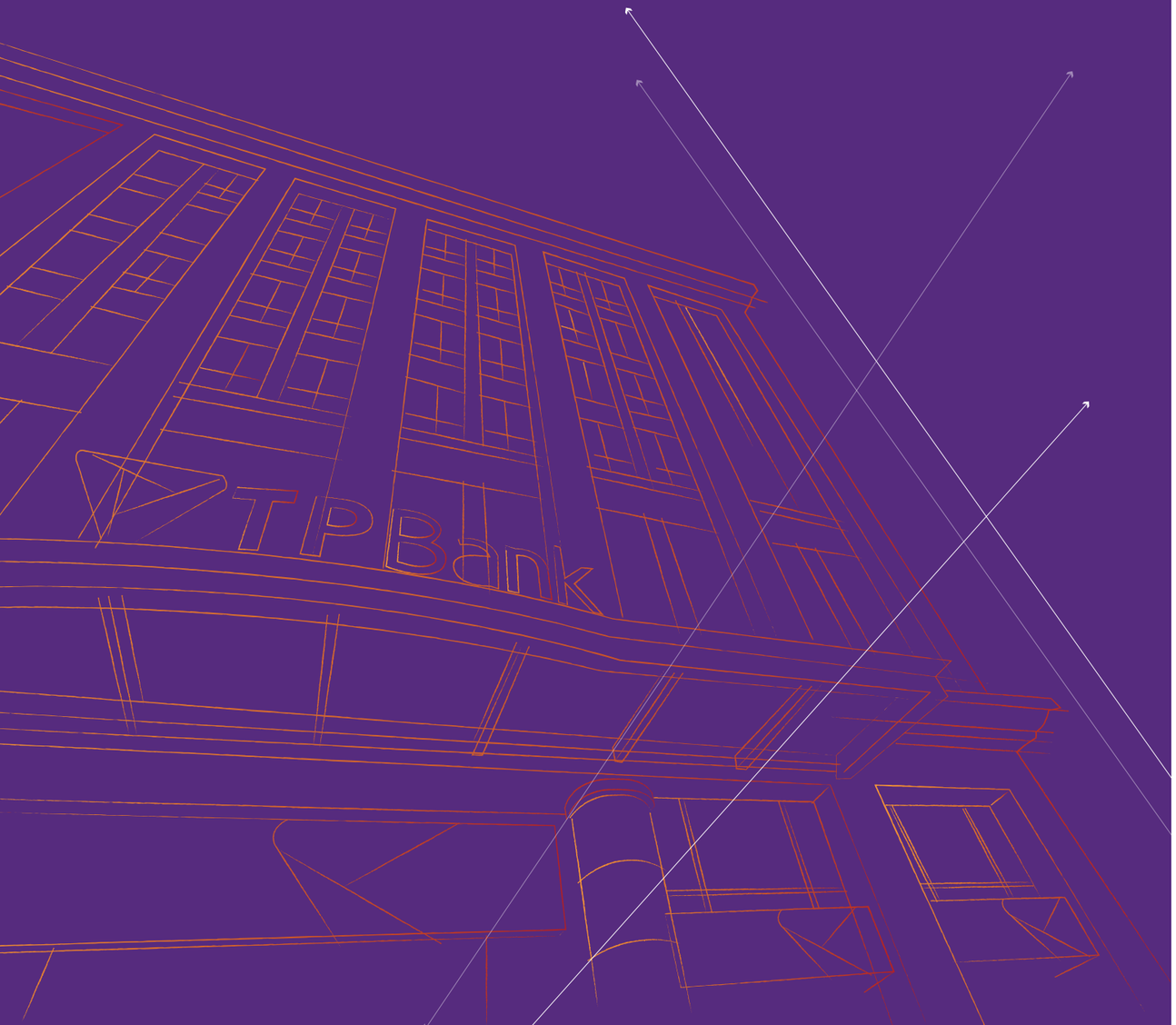

MỤC LỤC

6 **Thông điệp Chủ tịch HĐQT**

8 **Sứ mệnh, Tầm nhìn, Giá trị cốt lõi**

11 **Tổng quan Về TPBank**

Thông tin khái quát-Lịch sử phát triển-Cơ cấu cổ đông

Định hướng chiến lược: Ngân hàng của Kỷ nguyên số

14 **Giới thiệu HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành**

26 **Mô hình quản trị và sơ đồ tổ chức**

28 **Quản trị Doanh nghiệp**

Báo cáo Quản trị

Đánh giá của HĐQT về hoạt động Ngân hàng

Đánh giá của HĐQT về Ban Điều hành

Báo cáo Ban Kiểm soát

40 **Hoạt động kinh doanh năm 2020**

10 dấu ấn nổi bật 2020

Báo cáo của Ban Điều hành:

+ Các chỉ số tài chính nổi bật

+ Hoạt động kinh doanh

+ Quản trị rủi ro

48 **Báo cáo Tài chính đã kiểm toán**

114 **Định hướng kinh doanh 2022**

117 **Trách nhiệm xã hội và Phát triển bền vững**

119 **Ngành nghề kinh doanh**

120 **Mạng lưới hoạt động**

THÔNG ĐIỆP
CỦA CHỦ TỊCH HĐQT

Kính thưa Quý vị!

Năm 2021, đại dịch Covid-19 với làn sóng lần thứ 4 ở Việt Nam đã tiếp tục gây nhiều xáo trộn và tác động nghiêm trọng tới mọi mặt đời sống – kinh tế - xã hội. Dẫu gặp muôn vàn khó khăn, năm qua cũng là dịp để cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam phô diễn "sức đề kháng" mạnh mẽ, kinh nghiệm và khả năng thích ứng linh hoạt để "chống dịch song hành cùng phát triển kinh tế". Thử thách tôi luyện ý chí, Việt Nam vẫn đạt và vượt một số chỉ tiêu kinh tế - xã hội với GDP năm 2021 tăng trưởng ở mức 2,58%. Ngành ngân hàng với vai trò trụ cột nền kinh tế vẫn duy trì nỗ lực tăng trưởng, bên cạnh việc san sẻ, hỗ trợ cộng đồng và khách hàng vượt đại dịch.

Trong dòng chảy đó, TPBank đã cán đích với kết quả kinh doanh thành công, vượt qua nhiều thách thức và sức ép từ thị trường - khách hàng đến công tác vận hành nội bộ, băng qua nhiều giới hạn, hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kinh doanh trọng yếu đã được Đại Hội đồng Cổ đông thông qua hồi đầu năm.

Đến ngày 31/12/2021, tổng tài sản của TPBank đã đạt 295.000 tỷ đồng, tăng 42% so với năm 2020 và vượt kế hoạch hơn 17%. Tổng thu nhập hoạt động cũng đạt 13.500 tỷ đồng, tăng 30% so với cùng kỳ. Tổng lợi nhuận trước thuế đạt 6.038 tỷ đồng, vượt kế hoạch gần 4%. Thu nhập lãi thuần từ dịch vụ của ngân hàng tăng gần 65% so với cùng thời điểm cuối năm 2020, đạt trên 1.500 tỷ đồng. Tỷ lệ nợ xấu được kiểm soát ở mức rất thấp, chỉ 0,9%. TPBank cũng đã hoàn thành tăng vốn điều lệ từ hơn 10.717 tỷ đồng lên 15.818 tỷ đồng. Mã cổ phiếu TPB lọt vào nhóm VN30, tăng trưởng 101% đưa giá trị vốn hóa của TPBank đạt hơn 2,8 tỉ USD. Quy mô khách hàng đạt mốc 5 triệu khách hàng cá nhân và tổ chức, với tốc độ phát triển khách hàng mới cao nhất từ trước tới nay.

Để giữ vững thành tích tăng trưởng nhanh với hệ số an toàn cao và vận hành bền vững như trên, TPBank vẫn kiên định với Chiến lược Số và gặt hái được nhiều trái ngọt trên hành trình dẫn đầu cuộc đua ngân hàng số. Chủ động đón đầu xu hướng tương lai, Ngân hàng chú trọng các nền tảng công nghệ mới, xây dựng kho dữ liệu lớn và áp dụng năng lực phân tích dữ liệu vào hành trình số hóa, để luôn "đi trước thị trường một bước" về chuyển đổi số. TPBank áp dụng sáng tạo số từ lớp nền tảng như trí tuệ nhân tạo (AI), máy học (Machine Learning), dữ liệu lớn (Big Data), điện toán đám mây (Cloud Computing) đến lớp giải pháp như nhận diện sinh trắc học, nhận diện ký tự và tự động hóa với robot. Ở lớp sản phẩm – dịch vụ, chúng tôi tiếp tục xây dựng và đưa tới khách hàng hệ sinh thái sản phẩm tài chính – ngân hàng toàn diện nhất cho kỷ nguyên số, nơi các giải pháp tài chính – giao dịch được "may đo" theo chính thói quen, nhu cầu của từng cá nhân người dùng. Mảng dịch vụ số hóa của TPBank năm 2021 đã chiếm 93% tổng số giao dịch, với giá trị dịch vụ trung bình mỗi tháng tăng tới 250% so với năm 2020. Thành tích này đã tiếp tục tạo nền tảng vững chắc cho chặng đường phát triển tương lai, nơi TPBank vươn tới đỉnh cao, khẳng định vị thế Ngân hàng của Kỷ nguyên Số.

Ghi nhận sức mạnh nội tại cũng như thành công vượt bậc trong chuyển đổi số, TPBank vinh dự nhận được Bằng khen của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và nhận được hơn 30 giải thưởng uy tín trong và ngoài nước về ngân hàng số, chuyển đổi số, quản trị doanh nghiệp, thương hiệu truyền cảm hứng và nhà tuyển dụng xuất sắc.

Giữ vững tôn chỉ hoạt động minh bạch, bền vững, an toàn theo chuẩn mực quốc tế, TPBank cũng là ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam đáp ứng đồng thời Basel III và IFRS 9 trong năm 2021. Tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc tế Moody's duy trì xếp hạng tín nhiệm B1, chỉ số tín nhiệm BCA và nâng cao triển vọng tín nhiệm từ "ổn định" lên mức "tích cực" - mức đánh giá thuộc nhóm cao nhất trong hệ thống ngân hàng Việt Nam.

Trong nền kinh tế số đang dần hình thành và lớn mạnh nhanh chóng, sự xuất hiện của các nền tảng số mới, không biên giới trở thành cơ hội và thách thức để TPBank vượt lên với hành trình đổi mới và sáng tạo số của mình. Với khát khao đổi mới, không ngừng sáng tạo trên nền tảng công nghệ của 7.500 cán bộ nhân viên, được tiếp sức bằng sự tin yêu của Quý vị Cổ đông và 5 triệu khách hàng cá nhân và doanh nghiệp, bằng tâm thế vững tin bởi những thành công đã đạt được và những dự báo tích cực về sự phục hồi của nền kinh tế thời hậu COVID-19, tôi tin tưởng TPBank sẽ vững vàng viết tiếp những thành công mới trong năm 2022, năm khởi đầu của giai đoạn chiến lược 2022-2027 đầy khát vọng. TPBank sẽ hoàn thành xuất sắc mọi kế hoạch và chỉ tiêu mà Đại Hội đồng Cổ đông đặt ra.

Xin cảm ơn và trân trọng!

Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị
Đỗ Minh Phú

TẦM NHÌN
SỨ MỆNH
GIÁ TRỊ CỐT LÕI

TẦM NHÌN

Trở thành một trong những ngân hàng hàng đầu tại Việt Nam với các sản phẩm, dịch vụ tài chính trên nền tảng công nghệ hiện đại, tiên tiến góp phần xây dựng đất nước giàu mạnh

SỨ MỆNH

- TPBank cung cấp sản phẩm/dịch vụ tài chính hoàn hảo cho Khách hàng và Đối tác dựa trên sự thấu hiểu khách hàng, bằng nền tảng công nghệ hiện đại, tiên tiến và hiệu quả cao.

- TPBank là tổ chức kinh tế hoạt động minh bạch, an toàn, hiệu quả và bền vững, mang lại lợi ích tốt nhất cho các Cổ đông.

- TPBank tạo điều kiện tối ưu để mỗi Cán bộ Nhân viên có cuộc sống đầy đủ về kinh tế, phát huy năng lực sáng tạo và phát triển sự nghiệp của bản thân.

- TPBank là tổ chức có trách nhiệm xã hội cao, tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng với mục tiêu vì CON NGƯỜI và HƯNG THỊNH QUỐC GIA.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

- **LIÊM CHÍNH:** Liêm khiết, chính trực, là đạo đức nghề nghiệp và phẩm giá hàng đầu với mỗi cán bộ ngân hàng.
- **SÁNG TẠO:** Mỗi cá nhân cần đổi mới trong nhận thức, sáng tạo và đột phá trong giải pháp, quyết liệt trong thực hiện nhằm mang lại giá trị đích thực cho Ngân hàng và Khách hàng.
- **CẦU TIẾN:** Mỗi cá nhân phấn đấu tự hoàn thiện bản thân, phát huy sở trường, năng lực nội tại, tiềm năng của mỗi cá nhân và đơn vị. Ngân hàng tạo điều kiện tốt nhất để mỗi cá nhân vươn tới sự hoàn hảo.
- **HỢP LỰC:** Là cộng lực, hợp tác, gắn bó và chia sẻ trong công việc, nhận thức rõ giá trị của các cá nhân nằm trong giá trị của Ngân hàng.
- **BỀN BỈ:** Là kiên định, vững chí vượt qua mọi khó khăn, thách thức để đi đến thành công

TỔNG QUAN
VỀ TPBANK

Thông tin khái quát - Lịch sử phát triển - Cơ cấu cổ đông

Thành lập năm 2008, Ngân hàng TMCP Tiên Phong (TPBank) thừa hưởng sức mạnh từ các cổ đông chiến lược vững mạnh trong và ngoài nước gồm Tập đoàn Vàng bạc Đá quý DOJI, Tập đoàn Công nghệ FPT, Tổng công ty Tái bảo hiểm Việt Nam (Vinare), Tập đoàn Tài chính SBI Ven Holding Pte. Ltd (Singapore), Công ty Tài chính Quốc tế IFC (thuộc World Bank) và quỹ đầu tư PYN Elite Fund với khát vọng trở thành một tổ chức tài chính minh bạch, hiệu quả, bền vững và mang lại lợi ích tốt nhất cho các cổ đông và khách hàng.

Sở hữu nền tảng vững chắc và chiến lược đúng đắn, TPBank đã có bước phát triển đột phá với kết quả kinh doanh vô cùng ấn tượng. Tính đến hết năm 2021, tổng tài sản TPBank đạt 292.827 tỷ đồng, tăng gần 42% so với đầu năm, vượt trên 17% kế hoạch. Vốn điều lệ của ngân hàng đã được tăng từ 11.716 tỷ đồng lên hơn 15.818 tỷ đồng và vốn tự có đạt 25.987 tỷ đồng. Lợi nhuận trước thuế đạt 6.038 tỷ đồng, hoàn thành vượt hơn 4% so với kế hoạch đã đặt ra. Tổng huy động đạt 262.385 tỷ đồng trong đó nguồn vốn huy động chủ yếu đến từ tiền gửi của các tổ chức kinh tế và cá nhân. Tổng thu nhập hoạt động của TPBank cũng đạt 13.517 tỷ đồng, tăng hơn 30% so với cùng kỳ. Bên cạnh nguồn thu lãi từ hoạt động cho vay, thu nhập lãi thuần từ dịch vụ của ngân hàng tăng gần 65% so với cùng thời điểm cuối năm 2020, đạt trên 1.542 tỷ đồng. Đặc biệt, tỷ lệ nợ xấu cho vay của TPBank được kiểm soát ở mức rất thấp, chỉ 0,81%, đồng thời tỉ lệ bao phủ nợ xấu được nâng từ 130% năm 2020 lên 160%.

Trở thành ngân hàng đi đầu về công nghệ số với nhiều sản phẩm tài chính số đột phá, năm 2022 TPBank tiếp tục được vinh danh tại nhiều giải thưởng danh giá trong nước và quốc tế: Ngân hàng số xuất sắc nhất Việt Nam, Ngân hàng có chất lượng dịch vụ tốt nhất, Doanh nghiệp xuất sắc Châu Á, Doanh nghiệp Đổi mới số, Top 10 ngân hàng uy tín Việt Nam, Thương hiệu truyền cảm hứng...

Trong suốt hơn 10 năm qua, TPBank đã cho thấy tầm nhìn dài hạn và lộ trình phát triển bền vững khi từng bước kiện toàn hệ thống chi nhánh trên toàn quốc và không ngừng mở rộng quan hệ hợp tác với những đối tác lớn. Tính đến hết năm 2021, TPBank sở hữu gần 500 điểm giao dịch (gồm cả các điểm giao dịch tự động LiveBank) trên toàn quốc. Tổng số lượng khách hàng cá nhân đạt 5 triệu khách hàng, tăng gần gấp 3 lần so với 2017.

Với tuyên ngôn thương hiệu "Vì chúng tôi hiểu bạn", TPBank mong muốn lấy nền tảng của "sự thấu hiểu" khách hàng để xây dựng phong cách chất lượng dịch vụ ngân hàng hàng đầu. Hiểu để sẻ chia, hiểu để cùng đồng hành với khách hàng, để sáng tạo ra những sản phẩm dịch vụ tốt nhất và phù hợp nhất, đem lại những giá trị gia tăng cao nhất cho khách hàng. Đó cũng chính là kim chỉ nam cho sự phát triển bền vững mà TPBank hướng đến.

NGÂN HÀNG CỦA KỶ NGUYÊN SỐ

Năm 2022, tròn 10 năm kể từ khi quyết định theo đuổi chiến lược số hóa với nhiều khó khăn thách thức, nhờ có sự định hướng đúng đắn, đầu tư công nghệ bài bản, chiến lược hợp lý cùng đội ngũ nhân sự tâm huyết, TPBank đã có những bước tiến vững chắc để khẳng định vị thế của một ngân hàng số hàng đầu Việt Nam.

TPBank đã đổi mới tư duy chiến lược, chủ động sáng tạo, hợp tác với các công ty công nghệ hàng đầu thế giới để triển khai các dự án nền tảng số đa kênh an toàn, hiệu quả và bền vững, linh hoạt về quy mô nhằm phù hợp với định hướng phát triển và mở rộng của ngân hàng trong tương lai. Ngân hàng tập trung xây dựng các sản phẩm mũi nhọn, có tính đột phá mang lại những trải nghiệm tốt nhất cho khách hàng; ứng dụng công nghệ mới, khuyến khích giao dịch trực tuyến, mở tài khoản eKYC, và hợp tác với các công ty Fintech, tạo dựng hệ sinh thái số như là cánh tay nối dài của Ngân hàng...

Ngân hàng đã số hóa toàn bộ các quy trình vận hành, trong đó có tới 90% công việc và quy trình vận hành không cần sử dụng giấy tờ (Paperless). Bên cạnh đó, ngân hàng đã tích cực triển khai RPA với gần 300 robot xử lý tự động hóa quy trình, thu thập dữ liệu, ứng dụng AI để tăng năng suất vận hành, tra cứu dữ liệu thông minh. Tại thời điểm hiện tại, tất cả các hoạt động nội bộ và bên ngoài, online hay offline đều triển khai trên nền tảng số, thực hiện lộ trình trở thành tổ chức quản trị dựa trên dữ liệu (data-driven organisation). Hiện tại trên 80% ứng dụng công nghệ mới tại TPBank sử dụng AI, máy học, tự động hóa xuyên suốt trong các sản phẩm dịch vụ khách hàng vượt trội trên tất cả các kênh, trong vận hành nội bộ, phân tích dữ liệu lớn để gia tăng trải nghiệm khách hàng, sáng tạo ra các mô hình kinh doanh mới. TPBank cũng là ngân hàng duy nhất tại Việt Nam có thể xử lý 30% các cuộc gọi của tổng đài dịch vụ khách hàng bằng trí tuệ nhân tạo, hướng tới xử lý 70% cuộc gọi với AI vào năm 2025. Điều này giúp TPBank thay đổi toàn diện sản phẩm và trải nghiệm người dùng, trở thành ngân hàng số hàng đầu. Với mục tiêu khai thác AI như công nghệ mũi nhọn, nền tảng cho các sáng tạo đột phá, TPBank đã đầu tư lớn cho triển khai AI trong các năm qua, sẽ tiếp tục đẩy mạnh khai thác AI kết hợp với tự động hóa và cá nhân hóa. Năm 2022 được xác định là năm bản lề, ứng dụng AI một cách toàn diện trên toàn hàng, nhằm mục tiêu phát triển kinh doanh trên nền tảng số, gia tăng sức mạnh cạnh tranh của TPBank.

Hệ thống ngân hàng tự động LiveBank tiếp tục giữ vai trò nổi bật trong hệ sinh thái với khả năng thay thế một chi nhánh truyền thống trong khi chi phí hoạt động chỉ bằng 1/4 đã đem lại cho TPBank nhiều cơ hội phát triển kinh doanh mới, ngày càng mở rộng mạng lưới hoạt động. Hiện tại LiveBank là mạng lưới giao dịch tự động 24/7 đầu tiên và lớn nhất Việt Nam với 380 máy VTM. Sau hơn 4 năm, hệ thống đã được nâng cấp với nhiều tính năng số hóa cao, nâng tầm trải nghiệm cho khách hàng khi đưa vào sử dụng hệ thống nhận diện sinh trắc học hiện đại (khuôn mặt, vân tay, giọng nói) đảm bảo tính đồng nhất giao dịch cho khách hàng trên tất cả các kênh.

Sự phát triển mạnh mẽ của Ngân hàng Số đã mang lại tốc độ tăng trưởng vượt bậc. Số lượng mở tài khoản thanh toán qua kênh điện tử đã vượt các kênh truyền thống tại quầy, chiếm tới 80% lượng khách hàng mới mỗi năm. Số lượng giao dịch bình quân trên kênh số tăng trưởng đạt 120%/năm, đặc biệt tăng mạnh trong mùa dịch khi kênh truyền thống có xu hướng giảm. Giá trị giao dịch từ dịch vụ số cán mốc 55 nghìn tỷ đồng mỗi tháng, đạt bình quân 130%/năm, tỷ trọng tăng mạnh và hơn gấp đôi so với kênh truyền thống trong năm 2021.

Năm 2022, TPBank vẫn đang tiếp tục bám sát chiến lược Đổi mới số toàn diện, **xây dựng Ngân hàng thông minh**, đáp ứng mọi nhu cầu khách hàng theo cả chu kỳ sống; kết nối nhanh chóng trên **nền tảng Ngân hàng mở**, cho phép các đối tác kết hợp các sản phẩm, dịch vụ, dữ liệu; đồng thời gia tăng hiệu quả **kinh doanh trên nền tảng số**, nâng cao trải nghiệm của cả khách hàng cá nhân và khách hàng doanh nghiệp.

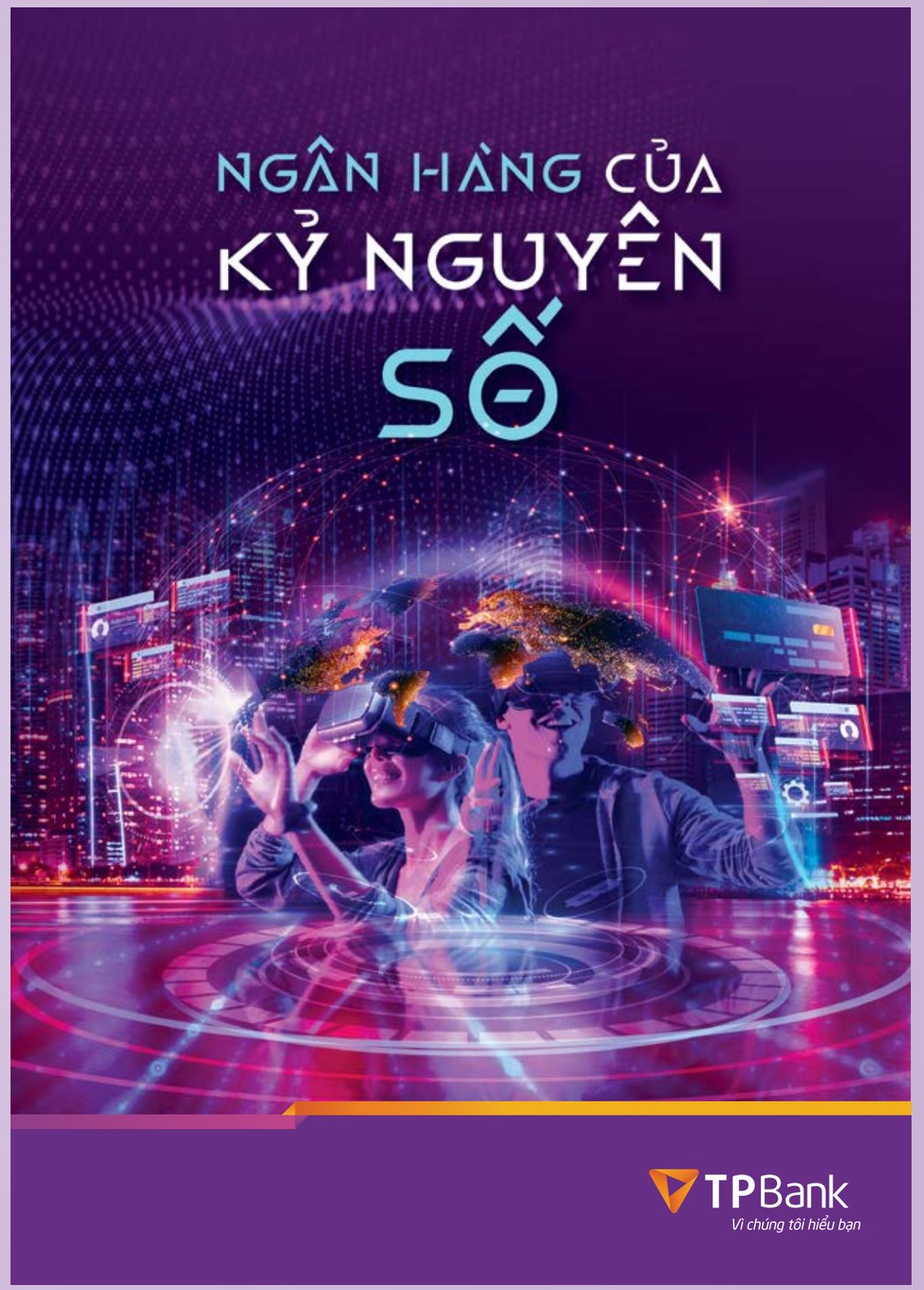

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông **Đỗ Minh Phú**
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Tháng 4/2018, ông Đỗ Minh Phú được bầu vào vị trí Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Tiên Phong (TPBank) nhiệm kỳ 2018 - 2023. Đối với tổ chức hiệp hội ông giữ các chức vụ: Phó Chủ tịch Hội đồng Doanh nghiệp Việt Nam – Singapore; Phó Chủ tịch Hiệp hội Kinh doanh Vàng Việt Nam; Phó Chủ tịch Hội Doanh nhân tư nhân Việt Nam; Phó Chủ tịch Diễn đàn kinh tế Việt Nam – Hoa Kỳ; Thành viên của Hiệp hội Đá quý quốc tế; Ủy viên Ban chấp hành Phòng Thương mại Công nghiệp Việt Nam (VCCI).
Đối với doanh nghiệp Ông là: Chủ tịch Hội đồng Sáng lập, Chủ tịch Hội đồng Đầu tư - Công ty Cổ phần Tập đoàn Vàng bạc Đá quý DOJI. Với những thành tích và đóng góp xuất sắc cho nền kinh tế và xã hội, ông Đỗ Minh Phú đã vinh dự được các tổ chức quốc tế cũng như Lãnh đạo cao cấp của Nhà nước, Chính phủ trao tặng các danh hiệu cao quý: Danh hiệu Giáo sư Danh dự của Liên đoàn Hàn lâm Oxford, Vương quốc Anh (2021), Doanh nhân xuất sắc khu vực châu Á - Thái Bình Dương (2019), Huân chương Lao động hạng Nhì (2019), Huân chương Lao động hạng Ba (2014 và 2012), bằng khen của Thủ tướng Chính phủ vì đã có nhiều thành tích xuất sắc trong việc triển khai Đề án "Cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng giai đoạn 2011 - 2015" (2013), bằng khen của Thủ tướng Chính phủ vì "Đã có nhiều thành tích trong công tác góp phần vào sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa Xã hội và bảo vệ Tổ quốc" (2011) và nhiều giải thưởng danh giá khác. Ông Đỗ Minh Phú là Cử nhân Đại học Bách Khoa Hà Nội, khoa Vô tuyến Điện tử.

Ông **Lê Quang Tiến**
Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Tháng 4/2018, ông Lê Quang Tiến được bầu vào vị trí Phó Chủ tịch HĐQT TPBank nhiệm kỳ 2018 - 2023. Ông là một trong những sáng lập viên và là Chủ tịch HĐQT đầu tiên của TPBank. Hiện ông đồng thời là thành viên Hội đồng Sáng lập FPT và Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc Công ty TNHH Đầu tư FPT. Năm 2013, ông vinh dự được nhận bằng khen của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cho những thành tích xuất sắc trong việc triển khai thực hiện Đề án "Cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng giai đoạn 2011 - 2015", bằng khen của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam "đã có thành tích xuất sắc góp phần hoàn thành nhiệm vụ Ngân hàng năm 2014 - 2015". Ông Lê Quang Tiến là Thạc sỹ Quản trị kinh doanh - Đại học Amos Tuck (Hoa Kỳ) và là cử nhân Đại học Tổng hợp Kishinev State University, khoa Vật lý.

Ông **Đỗ Anh Tú**
Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Tháng 4/2018, ông Đỗ Anh Tú được bầu vào vị trí Phó Chủ tịch HĐQT TPBank nhiệm kỳ 2018 - 2023. Hiện ông Tú đồng thời là Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Diana thuộc Tập đoàn Unicharm, Nhật Bản; Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong; Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thủy; Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Đầu tư TP Việt Nam; Thành viên Hội đồng thành viên Công ty TNHH Địa Cầu Xanh; Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Tân Mỹ và Thành viên Hội đồng thành viên Công ty TNHH Thương mại Tân Kim Nhật. Là chuyên gia hàng đầu trong lĩnh vực quản trị thương hiệu và marketing, ông đã có những đóng góp quan trọng trong việc xây dựng và nâng cao vị thế thương hiệu ngân hàng.
Năm 2013, ông đã vinh dự được nhận Bằng khen của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cho những thành tích xuất sắc trong việc triển khai thực hiện Đề án "Cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng giai đoạn 2011 - 2015", bằng khen của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam "đã có thành tích xuất sắc góp phần hoàn thành nhiệm vụ Ngân hàng năm 2014 - 2015". Năm 2020, ông đã vinh dự nhận được bằng khen của Thủ tướng Chính phủ vì đã có những thành tích xuất sắc trong triển khai xây dựng, phát triển ứng dụng công nghệ số trong lĩnh vực ngân hàng, góp phần nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ và hiệu quả hoạt động kinh doanh. Ông Đỗ Anh Tú là Phó Tiến sĩ ngành Máy năng lượng tại Đại học Kỹ thuật Praha, Cộng hòa Séc.

Bà **Nguyễn Thu Hà**
Thành viên Hội đồng Quản trị

Tháng 4/2018, bà Nguyễn Thu Hà được bổ nhiệm vào vị trí Thành viên Hội đồng Quản trị của TPBank nhiệm kỳ 2018 - 2023. Trước đây, bà từng đảm nhận các vị trí quan trọng như: Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank), Chủ tịch Công ty chứng khoán Vietcombank (VCBS), Chủ tịch Hội Thẻ Ngân hàng Việt Nam thuộc Hiệp hội ngân hàng Việt Nam. Bà Nguyễn Thu Hà là Thạc sỹ Quản trị kinh doanh - Đại học Georgetown, Washington DC, Hoa Kỳ.

Ông **Shuzo Shikata**
Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Tháng 4/2018, ông Shuzo Shikata được bổ nhiệm là Phó Chủ tịch HĐQT của TPBank nhiệm kỳ 2018 - 2023. Hiện ông giữ chức vụ Trưởng phòng Phát triển kinh doanh dịch vụ tài chính nước ngoài của Tập đoàn SBI Holding, Inc., đồng thời đảm nhiệm vị trí thành viên HĐQT của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư FPT. Với kinh nghiệm quản trị tiên tiến và hiện đại tại các ngân hàng nước ngoài, ông cùng Tập đoàn SBI Holdings, Inc., hiện đang hỗ trợ tích cực cho TPBank trong việc xây dựng và thực hiện chiến lược phát triển ngân hàng. Ông Shuzo Shikata là cử nhân Kinh tế, Trường Đại học Ritsumeikan, Nhật Bản.

Bà **Đỗ Thị Nhung**
Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập

Tháng 4/2018, bà Đỗ Thị Nhung được bổ nhiệm vị trí Thành viên HĐQT độc lập nhiệm kỳ 2018 - 2023. Bà từng đảm nhiệm chức vụ Phó Vụ trưởng - Vụ Chính sách tiền tệ - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Bà Đỗ Thị Nhung là cử nhân kinh tế Học viện Ngân hàng.

Ông **Eichiro So**
Thành viên Hội đồng Quản trị

Tháng 4/2018, ông Eichiro So được bổ nhiệm giữ vị trí Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2018 - 2023. Ông hiện đang là Giám đốc đại diện của Công ty TNHH Chứng khoán Trực tuyến SBI Thai. Ông Eichiro So làThạc sỹ Quản trị Kinh doanh - Trường Đại học Hitotsubashi.

BAN KIỂM SOÁT

Bà **Nguyễn Thị Bảo**
Trưởng Ban Kiểm soát

Tháng 4/2018, bà Nguyễn Thị Bảo được bổ nhiệm vị trí Trưởng Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2018 - 2023. Bà cũng là Cố vấn cao cấp Hội đồng Quản trị TPBank từ tháng 4/2012. Trước đây bà từng đảm nhiệm nhiều vị trí quan trọng như Phó Giám đốc Sở Giao dịch Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank), Trưởng phòng Thẩm định đầu tư và chứng khoán của Vietcombank. Bà Nguyễn Thị Bảo là Thạc sỹ Quản trị kinh doanh, Trường Đại học Tự do Bruxelle, Vương quốc Bỉ, tại Hà Nội.

Ông **Thái Duy Nghĩa**
Thành viên Ban Kiểm soát chuyên trách - Giám đốc TT Kiểm toán nội bộ

Tháng 4/2018, ông Thái Duy Nghĩa được bầu là Thành viên Ban Kiểm soát chuyên trách nhiệm kỳ 2018 - 2023. Ông gia nhập TPBank từ tháng 06/2008 và từng đảm nhiệm nhiều vị trí: Trưởng phòng Kiểm soát nội bộ và Quản lý chất lượng, Trưởng phòng Kiểm soát trực tiếp, Phó trưởng ban Kiểm toán nội bộ. Ông Thái Duy Nghĩa tốt nghiệp khoa Tài chính - Tín dụng, Học viện Ngân hàng.

Bà **Nguyễn Thị Thu Nguyệt**
Thành viên Ban Kiểm soát không chuyên trách

Tháng 4/2018, bà Nguyễn Thị Thu Nguyệt được bổ nhiệm vị trí Thành viên Ban Kiểm soát không chuyên trách nhiệm kỳ 2018 - 2023. Bà đang giữ chức vụ Tổng Giám đốc - Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư FPT. Bà Nguyễn Thị Thu Nguyệt là Thạc sỹ Luật Quốc tế - Trường Đại học Quốc gia Hà Nội.

BAN ĐIỀU HÀNH

Ông **Nguyễn Hưng**
Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Hưng được bổ nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Tiên Phong từ tháng 6/2012 và được tái bổ nhiệm vào tháng 9/2017. Ông Nguyễn Hưng có gần 30 năm kinh nghiệm trong ngành tài chính ngân hàng, trong đó có hơn 20 năm làm quản lý cấp cao. Tốt nghiệp Học viện Ngân hàng và là Thạc sĩ Quản trị kinh doanh chuyên ngành Thương mại điện tử, North Central University, Hoa Kỳ. Ông Nguyễn Hưng từng đảm nhiệm nhiều chức vụ quản lý chủ chốt như: Tổng Giám đốc Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank) từ 04/2009 đến 06/2012, giữ nhiều chức vụ quản lý tại Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (Techcombank) trong thời gian từ năm 2000 đến năm 2009. Với những đóng góp quan trọng trong việc đưa TPBank trở thành một ngân hàng lành mạnh, cùng với nền tảng công nghệ hiện đại và hoạt động hiệu quả hàng đầu hiện nay, ông Nguyễn Hưng đã được Thống đốc NHNN Việt Nam 2 lần tặng Bằng khen cho những thành tích xuất sắc trên cương vị Tổng Giám đốc TPBank.

Bà **Trương Thị Hoàng Lan**
PTGĐ- Giám đốc Khối Đầu tư và Khách hàng Doanh nghiệp lớn

Bà Trương Thị Hoàng Lan gia nhập TPBank từ tháng 02/2011. Bà Hoàng Lan đã có hơn 17 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng. Trải qua nhiều vị trí quản lý cấp cao tại TPBank, bà Hoàng Lan được bổ nhiệm chức danh Giám đốc Khối Đầu tư và Ngân hàng Lưu ký từ tháng 5/2015. Đến tháng 12/2016, bà Hoàng Lan được bổ nhiệm chức danh Giám đốc Khối Đầu tư và Khách hàng Doanh nghiệp lớn. Ngày 28/12/2018, bà Hoàng Lan được bổ nhiệm chức danh Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Đầu tư và Khách hàng Doanh nghiệp lớn. Tháng 09/2014, bà Trương Thị Hoàng Lan đã vinh dự được Thống đốc NHNN tặng Bằng khen cho cá nhân "Đã có thành tích xuất sắc góp phần hoàn thành nhiệm vụ Ngân hàng 2012 - 2013". Bà Hoàng Lan là cử nhân xuất sắc chuyên ngành Khoa học Quản lý Đại học Thăng Long.

Ông **Phạm Đông Anh**
PTGĐ - Giám đốc Khối Vận hành

Ông Phạm Đông Anh gia nhập Ngân hàng Tiên Phong năm 2007 từ những ngày đầu thành lập dự án. Năm 2010, ông Đông Anh được bổ nhiệm Giám đốc Cao cấp phụ trách Nghiệp vụ. Tháng 04/2011 được bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc và phụ trách Khối Nghiệp vụ, Khối Nguồn lực và Phát triển Mạng lưới. Từ tháng 8/2012 đến nay, ông Đông Anh là Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Vận hành. Tháng 9/2014, ông Phạm Đông Anh đã vinh dự được Thống đốc NHNN tặng Bằng khen cho cá nhân "Đã có thành tích xuất sắc góp phần hoàn thành nhiệm vụ Ngân hàng 2012 - 2013".

Tốt nghiệp Khoa Tài chính - Ngân hàng, Đại học Kinh tế Quốc dân và khoa Tiếng Anh, Đại học Hà nội, trước khi gia nhập TPBank, ông Đông Anh đã có 14 năm làm việc tại Ngân hàng VID Public Bank và giữ các vị trí Quản lý Cấp cao như: Giám đốc Chi nhánh VID Public Bank Hải Phòng, Giám đốc Sở Giao dịch VID Public Bank Hà Nội.

Ông **Đinh Văn Chiến**
PTGĐ - Giám đốc Khối Ngân hàng Cá nhân

Ông Đinh Văn Chiến được bổ nhiệm chức danh Giám đốc Khối Ngân hàng Cá nhân từ ngày 04/12/2013. Từ tháng 4/2016, ông Chiến được bổ nhiệm chức danh PTGĐ phụ trách Khối Ngân hàng Cá nhân. Trước khi gia nhập TPBank, ông Chiến có bề dày hơn 18 năm kinh nghiệm làm việc trong các lĩnh vực tài chính ngân hàng và marketing, đảm nhiệm nhiều vị trí khác nhau tại các tổ chức trong nước và quốc tế như: Phó Giám đốc Trung tâm Thẻ, Giám đốc Dự án Thẻ Visa/ Master, Vietcombank, Giám đốc Marketing tại Công ty Johnson & Johnson Việt Nam, Quản lý cao cấp tại Ngân hàng OCBC (Singapore) mảng Dịch vụ Tư vấn tài chính cá nhân toàn cầu, Giám đốc Trung tâm Phát triển Sản phẩm thuộc Khối Ngân hàng bán lẻ tại VPBank từ năm 2011. Ông Chiến là Cử nhân Đại học Ngoại thương; Thạc sỹ Tài chính Ngân hàng tại trường ĐH Notre Dame, Indiana, Hoa Kỳ theo chương trình học bổng Fulbright. Ông Chiến đã vinh dự được Thống đốc NHNN tặng Bằng khen vì đã có thành tích xuất sắc góp phần hoàn thành nhiệm vụ ngân hàng năm 2018 - 2019.

Ông **Nguyễn Hồng Quân**
PTGĐ - Giám đốc Khối Quản trị Rủi ro

Ông Nguyễn Hồng Quân được bổ nhiệm là Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Quản trị rủi ro của TPBank từ ngày 01/02/2012. Trước khi gia nhập TPBank, ông Quân đã có hơn 15 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực tài chính ngân hàng và đảm nhiệm các vị trí quan trọng trong các ngân hàng thương mại và ngân hàng đầu tư. Ông từng là Giám đốc Quản trị rủi ro, Phó Giám đốc về Tuân thủ và Kiểm soát nội bộ, Citibank Việt Nam; Quyền Tổng Giám đốc Công ty Chứng Khoán An Bình. Ông Quân là Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh cao cấp (EMBA) tại Học viện Công nghệ Châu Á (AIT). Trước đó, ông tốt nghiệp ngành Thương mại Quốc tế, Đại học Ngoại Thương Hà Nội và là Kỹ sư Kinh tế, khoa Kinh tế Vận tải, Đại học Giao thông Hà Nội. Ông Nguyễn Hồng Quân đã vinh dự được Thống đốc NHNN tặng Bằng khen vì đã có thành tích xuất sắc góp phần hoàn thành nhiệm vụ ngân hàng năm 2018 - 2019.

Ông **Nguyễn Việt Anh**
PTGĐ - Giám đốc Khối Nguồn vốn & Thị trường tài chính

Ông Nguyễn Việt Anh được bổ nhiệm làm Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Khối Nguồn vốn và Thị trường tài chính từ tháng 03/2011. Ông Việt Anh là Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh, Đại học Tổng hợp bang Washington, Hoa Kỳ. Trước đó, ông tốt nghiệp Đại học Quốc gia Hà Nội và Học viện Quan hệ Quốc tế. Trước khi tham gia TPBank, ông Việt Anh đã có hơn 10 năm kinh nghiệm làm việc tại Techcombank và đảm nhiệm các vị trí quan trọng như: Quyền Giám đốc Khối Quản lý Nguồn vốn và Giao dịch Thị trường Tài chính, Tổng Giám đốc công ty Quản lý quỹ Kỹ Thương, Giám đốc Trung tâm Ngoại hối và Sản phẩm Phái sinh, Giám đốc Trung tâm Giao dịch Hàng hóa và Quản lý Sàn Giao dịch, Trưởng Phòng Quản lý và Kinh doanh Tiền tệ, Ngoại hối. Ông Nguyễn Việt Anh đã vinh dự được Thống đốc NHNN tặng Bằng khen vì đã có thành tích xuất sắc góp phần hoàn thành nhiệm vụ ngân hàng năm 2018 – 2019.

Ông **Khúc Văn Họa**
PTGĐ - Giám đốc Khối Ngân hàng Doanh nghiệp

Ông Khúc Văn Họa bắt đầu làm việc tại TPBank từ tháng 9/2012 với vị trí Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Bán hàng và Kênh phân phối. Từ tháng 4/2015 đến nay, ông Họa giữ vị trí Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Ngân hàng Doanh nghiệp.

Ông Họa là Thạc sỹ Quản trị kinh doanh tại Trung tâm Pháp Việt đào tạo về Quản lý (CFVG). Trước khi gia nhập TPBank, ông Họa từng đảm nhiệm nhiều chức vụ quản lý quan trọng tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) và Ngân hàng Quân Đội (MB) như: Phó Giám đốc Khối Quản trị rủi ro, Giám đốc Trung tâm tín dụng SME, Giám đốc Vùng của Techcombank, Phó Giám đốc Khối Khách hàng Doanh nghiệp lớn của MB.

Ông **Lê Hồng Nam**
PTGĐ - Giám đốc Khối Tín dụng

Ông Lê Hồng Nam gia nhập TPBank vào tháng 1/2009 với vị trí Giám đốc chi nhánh TP.HCM. Tháng 03/2012, ông được bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc - phụ trách khu vực phía Nam; sau đó được bổ nhiệm vào vị trí Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Tín dụng. Tốt nghiệp Thạc sỹ Kinh tế, ông Nam có hơn 20 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng và đã trải qua các vị trí quản lý cấp cao tại các Tổ chức tín dụng trong và ngoài nước như: Trưởng phòng Tín dụng & Đầu tư Hội sở - Ngân hàng LD ShinhanVina; Giám đốc Chi nhánh TP.HCM - Ngân hàng TMCP Dầu khí Toàn Cầu; Phó Tổng Giám đốc - Ngân hàng TMCP Phát triển Mê Kông. Năm 2016, ông Lê Hồng Nam đã vinh dự được Thống đốc NHNN tặng Bằng khen cá nhân "Đã có thành tích xuất sắc góp phần hoàn thành nhiệm vụ Ngân hàng 2014 - 2015".

Ông **Bùi Quang Cương**
PTGĐ - Giám đốc Khối Công nghệ Thông tin

Ông Bùi Quang Cương gia nhập Ngân hàng từ thời gian đầu thành lập dự án tháng 05/2007. Ông Cương từng giữ các chức vụ quan trọng như: Giám đốc Trung tâm CNTT, quyền Giám đốc Trung tâm Thẻ và Ngân hàng Điện tử của TPBank, Giám đốc Khối Công nghệ Thông tin (CNTT). Tháng 9/2014, ông Bùi Quang Cương vinh dự được Thống đốc NHNN tặng Bằng khen cho cá nhân "Đã có thành tích xuất sắc góp phần hoàn thành nhiệm vụ Ngân hàng 2012 - 2013". Tháng 11/2021, ông Cương được bổ nhiệm vào vị trí Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Công nghệ Thông tin. Ông Cương có hơn 22 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực ngân hàng và CNTT. Trước khi gia nhập TPBank, ông từng đảm nhiệm các vị trí như Giám đốc Trung tâm phần mềm, Công ty 3C; Trưởng phòng tin học, Ngân hàng VID Public Bank. Ông Cương là Cử nhân Khoa học, Đại học Tổng hợp Hà Nội.

Bà **Nguyễn Thị Tuyết Lan**
Giám đốc Khối Quản trị Nguồn nhân lực

Bà Nguyễn Thị Tuyết Lan có gần 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực quản trị nguồn nhân lực tại các tập đoàn và ngân hàng lớn trong nước. Bắt đầu công việc tại TPBank từ tháng 6/2012 với vị trí Phó Giám đốc Khối Quản trị Nguồn nhân lực. Từ tháng 11/2020, bà Lan được bổ nhiệm làm Giám đốc Khối Quản trị nguồn nhân lực.
Trước đó, bà đã từng công tác tại Tập đoàn FPT và Ngân hàng Quốc tế. Bà Lan là Thạc sỹ Quản trị kinh doanh - ĐH Gloucestershire - Vương quốc Anh liên kết với Học viện Tài chính. Bà Lan đã vinh dự được Thống đốc NHNN tặng Bằng khen vì đã có thành tích xuất sắc góp phần hoàn thành nhiệm vụ ngân hàng năm 2018 - 2019.

Bà **Đinh Thị Hằng Hương**
Giám đốc Khối Bán trực tiếp

Bà Đinh Thị Hằng Hương gia nhập TPBank từ tháng 02/2015. Bà được bổ nhiệm chức danh Phó Giám đốc Khối Ngân hàng Cá nhân từ tháng 3/2018 phụ trách mảng Quản lý bán hàng và phát triển kinh doanh bảo hiểm. Đến tháng 04/2019, bà Hương được bổ nhiệm là Giám đốc Khối Bán Trực tiếp. Trước đó, bà Hằng Hương đã có nhiều năm kinh nghiệm quản lý, phát triển kinh doanh trong ngành tài chính ngân hàng và đảm nhiệm nhiều vị trí quan trọng như: Giám đốc trung tâm Quản lý và Phát triển kinh doanh Bán trực tiếp, Giám đốc Quản lý kinh doanh khối NHCN của MaritimeBank, Giám đốc Kinh doanh vùng Hà Nội, kênh trực tiếp công ty tài chính Prudential Finance. Bà Hằng Hương là cử nhân ngành Kinh tế tại Đại học Quốc Gia Hà Nội. Bà Hương đã vinh dự được Thống đốc NHNN tặng Bằng khen vì đã có thành tích xuất sắc góp phần hoàn thành nhiệm vụ ngân hàng năm 2018 - 2019.

Ông **Nguyễn Hữu Thanh**
Giám đốc Khối Pháp chế và Xử lý nợ

Ông Nguyễn Hữu Thanh gia nhập TPBank từ tháng 5/2011, được bổ nhiệm chức danh Giám đốc Khối từ ngày 21/05/2015. Ông Thanh có 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Pháp chế ngân hàng. Trước khi gia nhập TPBank, ông Thanh từng làm việc tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, sau đó giữ vị trí Phó phòng Pháp chế và Kiểm soát tuân thủ tại Techcombank. Ông Thanh là Thạc sỹ Luật, Viện Nhà nước và Pháp luật, Việt Nam; Thạc sỹ Chính sách công, Đại học Tsukuba, Nhật Bản.

Ông **Nguyễn Lâm Hoàng**
Giám đốc Khối Tài chính

Ông Nguyễn Lâm Hoàng gia nhập TPBank từ tháng 10/2012. Ông Hoàng từng giữ các chức vụ: Giám đốc Khối Ngân Hàng Cá Nhân, Giám đốc Khối Bán Trực Tiếp của TPBank và hiện đảm nhiệm vị trí Giám đốc Khối Tài Chính - TPBank. Trước đó, ông Hoàng đã có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính ngân hàng và đảm nhiệm nhiều chức vụ quản lý quan trọng tại Techcombank như: Trưởng phòng Kế hoạch Tổng hợp; Giám đốc Bán lẻ miền Bắc thuộc Khối Dịch vụ khách hàng Tài chính cá nhân; Trưởng Dự án SSP miền Bắc kiêm Phó Giám đốc Trung tâm SSE, Khối S&D; Giám đốc Trung tâm Bán, Khối S&D. Ông Hoàng là Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh, Trung tâm Pháp Việt đào tạo về quản lý (CFVG). Ông Hoàng đã vinh dự được Thống đốc NHNN tặng Bằng khen vì đã có thành tích xuất sắc góp phần hoàn thành nhiệm vụ ngân hàng năm 2018 - 2019.

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC

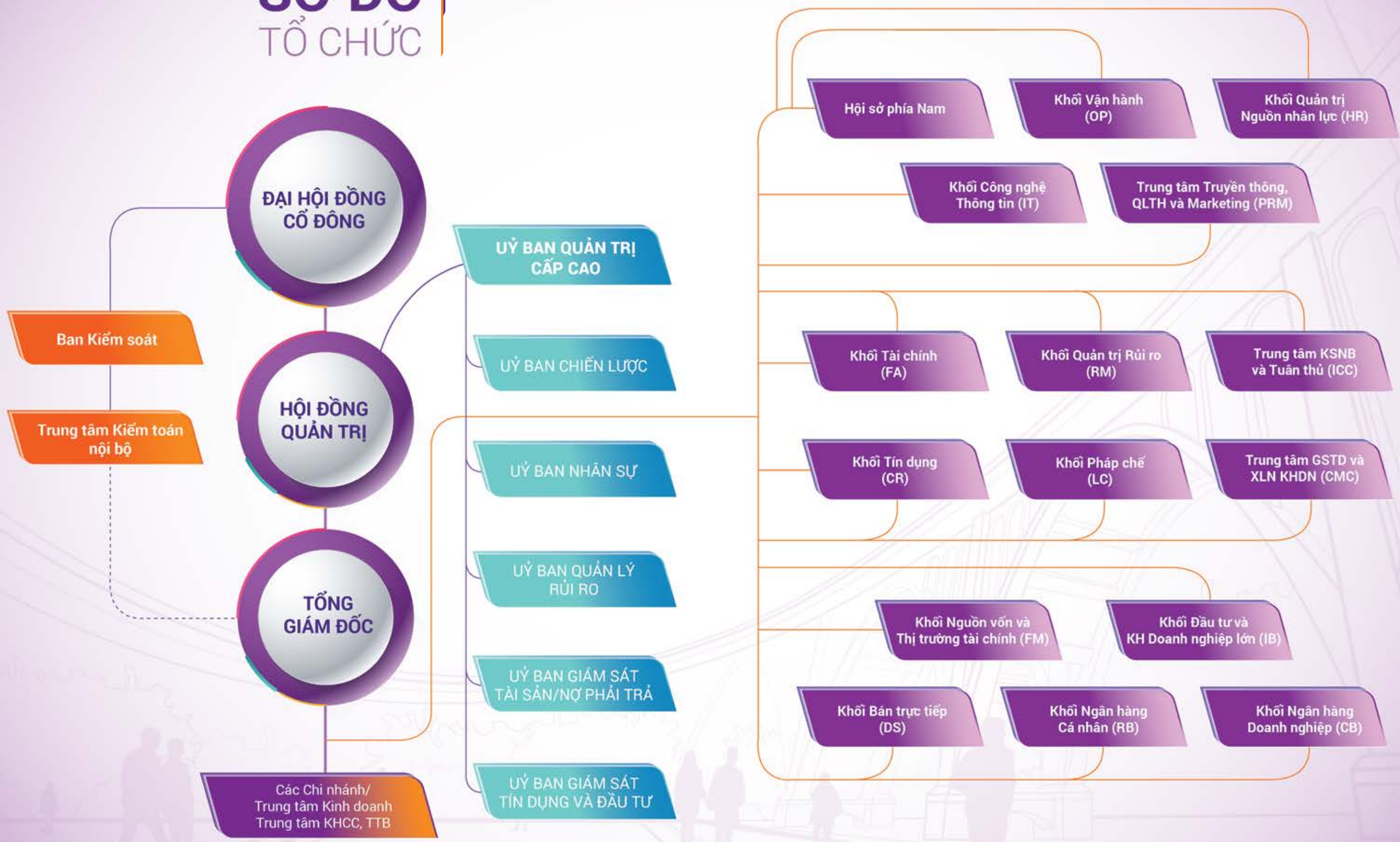
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
Ban Kiểm soát
Trung tâm Kiểm toán nội bộ
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TỔNG GIÁM ĐỐC
Các Chi nhánh/ Trung tâm Kinh doanh Trung tâm KHCC, TTB
UỶ BAN QUẢN TRỊ CẤP CAO
UỶ BAN CHIẾN LƯỢC
UỶ BAN NHÂN SỰ
UỶ BAN QUẢN LÝ RỦI RO
UỶ BAN GIÁM SÁT TÀI SẢN/NỢ PHẢI TRẢ
UỶ BAN GIÁM SÁT TÍN DỤNG VÀ ĐẦU TƯ
Hội sở phía Nam
Khối Vận hành (OP)
Khối Quản trị Nguồn nhân lực (HR)
Khối Công nghệ Thông tin (IT)
Trung tâm Truyền thông, QLTH và Marketing (PRM)
Khối Tài chính (FA)
Khối Quản trị Rủi ro (RM)
Trung tâm KSNB và Tuân thủ (ICC)
Khối Tín dụng (CR)
Khối Pháp chế (LC)
Trung tâm GSTD và XLN KHDN (CMC)
Khối Nguồn vốn và Thị trường tài chính (FM)
Khối Đầu tư và KH Doanh nghiệp lớn (IB)
Khối Bán trực tiếp (DS)
Khối Ngân hàng Cá nhân (RB)
Khối Ngân hàng Doanh nghiệp (CB)

QUẢN TRỊ
DOANH NGHIỆP

I. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

1. Cổ phần:

Tổng số 1.581.755.495 cổ phần phổ thông (tương ứng với vốn điều lệ của TPBank là 15.817.554.950.000 đồng), bao gồm:

- Số lượng cổ phần đang lưu hành: 1.581.755.495 cổ phần, trong đó:
- Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 396.706.012 cổ phần
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 1.185.049.483 cổ phần
- Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phần

2. Cơ cấu cổ đông:

Tại thời điểm 31/12/2021

STT	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông	
					Tổ chức	Cá nhân
1	Cổ đông Nhà nước	48.306.107	3,05%	1	1	0
2	Cổ đông lớn	200.944.085	12,7%	2	2	0
	Trong nước	*200.944.085*	*12,7%*	*2*	*2*	*0*
	Nước ngoài	*0*	*0%*	*0*	*0*	*0*
3	Công đoàn Công ty	170.100	0,01%	1	1	0
4	Cổ phiếu quỹ	0	0%	0	0	0
5	Cổ đông khác	1.332.335.203	84,23%	15.205	134	15.071
	Trong nước	*868.241.011*	*54,89%*	*15.063*	*90*	*14.973*
	Nước ngoài	*464.094.192*	*29,34%*	*142*	*44*	*98*
Tổng cộng		**1.581.755.495**	**100%**	**15.209**	**138**	**15.071**
Trong nước		*1.117.661.303*	*70,66%*	*15.067*	*94*	*14.973*
Nước ngoài		*464.094.192*	*29,34%*	*142*	*44*	*98*

Tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại TPBank ở mức 29,34%, đảm bảo tuân thủ đúng quy định của pháp luật về giới hạn tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại tổ chức tín dụng là 30% vốn điều lệ.

3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Năm 2021, TPBank tăng vốn điều lệ từ 10.716.717.220.000 đồng lên 15.817.554.950.000 đồng (tăng thêm 5.100.837.730.000 đồng) bằng hình thức chào bán cổ phiếu riêng lẻ và phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.

4. Giao dịch cổ phiếu quỹ:

Trong năm 2021, TPBank đã thực hiện bán toàn bộ 40.016.056 cổ phiếu quỹ nhằm gia tăng số lượng cổ phiếu đang lưu hành, cơ cấu lại nguồn vốn, bổ sung vốn lưu động để đầu tư cho hoạt động kinh doanh.

5. Các chứng khoán khác:

Năm 2021, TPBank đã thực hiện tổng cộng 19 đợt phát hành trái phiếu thường với tổng khối lượng phát hành là 17.100 tỷ đồng. Việc phát hành trái phiếu của TPBank là hoạt động thường niên nhằm mục đích bổ sung nguồn vốn phục vụ hoạt động tín dụng.

II. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ngân hàng

1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Ngân hàng, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội:

Mặc dù phải đối mặt với những khó khăn từ đại dịch Covid-19 bao trùm, TPBank vẫn hoàn thành tốt các mục tiêu thách thức đặt ra tại ĐHĐCĐ năm 2021, nâng quy mô hoạt động của Ngân hàng. Theo đó, tổng tài sản của TPBank đến 31/12/2021 đạt 292,8 nghìn tỷ đồng tăng gần 42% so với thời điểm cuối năm 2020, tổng huy động đạt gần 262,4 nghìn tỷ đồng. Hoạt động tín dụng của Ngân hàng tiếp tục tăng trưởng tốt đồng thời vẫn đảm bảo mức tăng trưởng tín dụng được NHNN thông báo. Chất lượng tín dụng của TPBank được kiểm soát chặt chẽ, với mức nợ xấu cho vay nội bảng ở mức thấp dưới 1%. Với kết quả kinh doanh khả quan này, TPBank tiếp tục được Tổ chức xếp hạng Moody's giữ nguyên xếp hạng tín nhiệm nhà phát hành, tiền gửi nội tệ và ngoại tệ dài hạn của TPBank ở mức B1. Đồng thời, triển vọng tín nhiệm của các chỉ số trên tại TPBank cũng được nâng lên "tích cực" từ mức "ổn định".

Ngoài ra, TPBank còn thành lập Quỹ "Bank Tím Yêu Thương" để giúp đỡ các thành viên trong Ngân hàng đang phải đối mặt với khó khăn và nghịch cảnh. Bên cạnh đó, còn đồng hành, sẻ chia với cộng đồng trong tình hình đại dịch Covid-19 diễn phức tạp thông qua việc ủng hộ các chương trình phòng chống Covid-19 của Chính phủ và các địa phương có dịch, cũng như miễn, giảm, hạ lãi suất cho các khách hàng chịu ảnh hưởng nặng nề của dịch bệnh.

2. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của Ban Điều hành:

Tuân thủ đúng quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ TPBank, Quy chế nội bộ về quản trị Ngân hàng, Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT và các quy định nội bộ của TPBank, trong năm 2021, HĐQT thường xuyên rà soát kỹ lưỡng, giải quyết kịp thời các vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền của HĐQT nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho mọi hoạt động tại đơn vị kinh doanh và các Khối hội sở. Thông qua đó, HĐQT đánh giá cao và ghi nhận những nỗ lực vượt bậc cũng như việc xây dựng, triển khai các kịch bản kinh doanh linh hoạt, phù hợp của Ban Điều hành (BĐH) để mang lại kết quả rất ấn tượng trong bối cảnh nền kinh tế thế giới và Việt Nam vẫn còn chịu những tác động nặng nề của dịch Covid-19. Bằng sự quyết tâm cao độ, nỗ lực hết mình của các thành viên BĐH, HĐQT tin tưởng TPBank sẽ có một năm kinh doanh bứt phá, hoàn thành xuất sắc, vượt mọi chỉ tiêu đề ra cho năm 2022.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng Quản trị

Kinh tế thế giới năm 2022 có dấu hiệu phục hồi nhưng vẫn còn nhiều bất trắc phụ thuộc vào quá trình phủ vắc xin phòng Covid-19 cũng như diễn biến phức tạp của dịch bệnh, ảnh hưởng tới sự phát triển kinh tế nói chung và hoạt động ngân hàng nói riêng. Trên cơ sở đó, HĐQT tiếp tục phát huy vai trò quản trị cấp cao trong việc chỉ đạo triển khai các hoạt động kinh doanh phù hợp với định hướng của Chính phủ và NHNN, đảm bảo ứng phó với mọi thay đổi của tình hình thực tế, cụ thể như sau:

- ***Đối với công tác quản trị điều hành và định hướng chiến lược:***

- Tiến hành rà soát đánh giá các chỉ tiêu, nội dung phát triển ngân hàng trong Chiến lược kinh doanh giai đoạn 2020-2022 và tầm nhìn 2030 để tiếp tục chỉ đạo thực hiện các giải pháp phát triển Ngân hàng theo chiều sâu và điều chỉnh các chỉ tiêu phù hợp với tình hình thực tiễn và các chủ trương của NHNN về phát triển ngành ngân hàng giai đoạn 2021-2025. Định hướng trở thành một trong những ngân hàng đầu tiên triển khai các tiêu chuẩn/thông lệ quản trị rủi ro quốc tế tiên tiến nhất hiện nay, ứng dụng công nghệ số và các sáng kiến để giảm thiểu rủi ro trong hoạt động, nâng cao năng lực quản trị, tạo dựng niềm tin, nâng cao đánh giá của các cơ quan quản lý, đối tác trong, ngoài nước và các tổ chức xếp hạng.

- ***Đối với hoạt động kinh doanh:***

- Tăng cường công tác dự báo, phân tích cơ hội và thách thức, xây dựng các kịch bản để bám sát tình hình kinh tế thế giới trong nước, chính sách điều hành của Chính phủ và NHNN nhằm kịp thời nắm bắt cơ hội và nhận dạng khó khăn, rủi ro để đưa ra các quyết sách kinh doanh kịp thời, sáng suốt, hiệu quả; giám sát, chỉ đạo sát sao BĐH trong hoạt động kinh doanh.

- Định hướng và giám sát hoạt động tín dụng phù hợp với chỉ đạo của NHNN và thực tế hoạt động của TPBank nhằm sử dụng tối đa hiệu quả chỉ tiêu tín dụng theo thông báo của NHNN, nâng cao chất lượng tín dụng, kiểm soát tín dụng đối với lĩnh vực rủi ro theo cảnh báo của NHNN và kiểm soát tỷ lệ nợ xấu và gia tăng thị phần theo mục tiêu đề ra.

- Giữ vững vị thế Ngân hàng số 1 về công nghệ số tại Việt Nam, triển khai toàn diện giai đoạn Sáng tạo số trong toàn hàng.

- Định hướng phát triển toàn diện, phấn đấu trở thành ngân hàng thương mại đa năng, hoạt động hiệu quả bền vững, phát triển hệ sinh thái các sản phẩm, dịch vụ tài chính trên nền tảng công nghệ mới, hiện đại, bắt kịp cách mạng công nghiệp 4.0.

- Khai thác khách hàng hiện hữu, tăng tỷ trọng khoảng 70-80% khách hàng active/khách hàng đã mở tài khoản tại TPBank. Định hướng xây dựng và triển khai thực hiện có hiệu quả chính sách thu hút khách hàng doanh nghiệp để thiết lập tệp khách hàng lựa chọn TPBank là ngân hàng giao dịch chính, trên cơ sở đó khai thác tốt nhất các nhu cầu về tín dụng, tiền gửi, thanh toán và các sản phẩm dịch vụ ngân hàng của phân khúc khách hàng này, đồng thời đưa ra chính sách giá linh hoạt, ban hành thêm các gói ưu đãi lãi suất cho từng nhóm đối tượng khác nhau để tạo môi trường cạnh tranh, hỗ trợ khách hàng hồi phục sau dịch.

- Để chất lượng tín dụng gắn với cơ cấu tín dụng cần kiểm soát, giảm thiểu tỷ lệ nợ quá hạn, đảm bảo kiểm soát ở mức dưới 2%/tổng dư nợ; giám sát tăng trưởng tín dụng an toàn, hiệu quả trên cơ sở lựa chọn khách hàng phù hợp và ngành hàng ít rủi ro, giám sát xử lý và thu hồi nợ xấu.

- Đẩy mạnh kinh doanh đa dịch vụ, tăng cường các hoạt động thu nhập ngoài lãi trong tổng thu nhập; xây dựng và sẽ đa dạng hóa các sản phẩm ngoại hối (FX), phái sinh ngoại hối và lãi suất, triển khai dịch vụ commodities; tích cực phát triển dịch vụ thanh toán quốc tế, tài trợ thương mại quốc tế; đẩy mạnh sản phẩm chuyển tiền du học, định cư, các sản phẩm ngoại tệ truyền thống và sản phẩm cấu trúc kết hợp với tín dụng. Tiếp tục lựa sóng và làm các dịch vụ mua bán vàng, ngoại tệ; phát triển mảng kinh doanh đồng CNY, triển khai hoạt động thanh toán biên mậu nhằm gia tăng thu nhập phi tín dụng (phí dịch vụ).

- Đẩy mạnh hoạt động marketing để hỗ trợ phát triển sách lược kinh doanh và xây dựng vị thế bền vững của thương hiệu TPBank là ngân hàng hiện đại, được yêu thích hàng đầu trong tâm trí khách hàng.

- Tiếp tục mở rộng mạng lưới chi nhánh và PGD cũng như hệ thống Live Bank VTM nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển kinh doanh, quảng bá hình ảnh đến nhiều đối tượng khách hàng và phục vụ tối đa cho khách hàng.

- Chỉ đạo TGĐ quan tâm rà soát, chỉnh sửa các quy trình, nghiệp vụ để phù hợp với thực tế vận hành, đồng thời triệt để xử lý các vướng mắc trong quá trình tương tác giữa các đơn vị kinh doanh và các Khối hội sở để vừa đảm bảo kiểm soát rủi ro nhưng vẫn tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động kinh doanh được thông suốt và góp phần tăng năng suất lao động, giảm chi phí cho ngân hàng, đáp ứng kịp thời nhu cầu hợp lý của khách hàng nhằm tăng tính cạnh tranh về chất lượng dịch vụ của TPBank.

- Chú trọng hơn nữa công tác kiểm soát tuân thủ và kiểm soát rủi ro thông qua vai trò giám sát cấp cao của HĐQT: chỉ đạo tăng cường rà soát; chỉ đạo hoạt động kiểm tra, giám sát để kịp thời phát hiện các vi phạm nhằm có các biện pháp xử lý phù hợp trên cơ sở phân định rõ trách nhiệm của tổ chức, cá nhân; điều chỉnh chính sách quản lý rủi ro, nâng cấp hệ thống quản lý rủi ro nhằm đáp ứng nhu cầu thực tiễn; ban hành các quy định về quy trình vận hành, kiểm soát nội bộ nhằm giảm thiểu rủi ro kinh doanh, rủi ro vận hành.

III. Quản trị công ty

1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Ngân hàng, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội:

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng Quản trị:

HĐQT nhiệm kỳ 2018-2023 được bầu bởi ĐHĐCĐ vào ngày 20/04/2018 và đã được Thống đốc NHNN chấp thuận danh sách, bao gồm 8 thành viên, trong đó có 01 thành viên độc lập. HĐQT đã bầu các chức danh Chủ tịch và Phó chủ tịch trong cùng ngày. Tới thời điểm hiện nay, HĐQT của TPBank còn 07 thành viên (do 01 thành viên đương nhiên mất tư cách khi không còn là Người đại diện vốn tại TPBank), trong đó có 01 thành viên độc lập, đảm bảo tuân thủ đúng quy định về số lượng và cơ cấu thành viên HĐQT theo Luật Các tổ chức tín dụng và Điều lệ của TPBank.

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết	Chức danh nắm giữ tại các công ty khác
1	Ông Đỗ Minh Phú	Chủ tịch HĐQT	0%	
2	Ông Lê Quang Tiến	Phó Chủ tịch HĐQT	3,61%	Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc Công ty TNHH Đầu tư FPT
3	Ông Đỗ Anh Tú	Phó Chủ tịch HĐQT	3,71%	- Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Diana Unicharm - Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thủy

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết	Chức danh nắm giữ tại các công ty khác
3	Ông Đỗ Anh Tú	Phó Chủ tịch HĐQT	3,71%	- Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong - Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Đầu tư TP Việt Nam - Thành viên Hội đồng thành viên Công ty TNHH Địa Cầu Xanh - Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Tân Mỹ - Thành viên Hội đồng thành viên Công ty TNHH Thương mại Tân Kim Nhật
4	Ông Shuzo Shikata	Phó Chủ tịch HĐQT	0%	Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư FPT
5	Bà Nguyễn Thu Hà	Thành viên HĐQT	0%	
6	Ông Eiichiro So	Thành viên HĐQT	0%	
7	Bà Đỗ Thị Nhung	Thành viên HĐQT độc lập	0%	

b) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng Quản trị:

HĐQT thực hiện chức năng quản trị hoạt động của TPBank thông qua các Ủy ban trực thuộc nhằm hoàn thành có hiệu quả các nhiệm vụ do ĐHĐCĐ giao phó, thực hiện tốt vai trò giám sát cấp cao theo quy định của Luật các TCTD và pháp luật liên quan.

- ***Ủy ban Quản trị cấp cao (EXCO):***

Năm 2021, Ủy ban EXCO đã bám sát kế hoạch hoạt động của HĐQT để chỉ đạo triển khai, định hướng cho TGĐ, BĐH đưa ra các quyết định đúng đắn, triển khai kịp thời các giải pháp thiết thực, khả thi để qua đó đẩy mạnh hoạt động kinh doanh, kiểm soát nâng cao chất lượng tài sản và đảm bảo an toàn hệ thống:

- Tập trung thực hiện quyết liệt các giải pháp tháo gỡ khó khăn nhất là những khó khăn do tác động tiêu cực của đại dịch COVID -19 gây ra nhằm bảo đảm hoạt động kinh doanh được duy trì ổn định, đạt hiệu quả cao đồng thời vẫn đảm bảo an toàn hoạt động của Ngân hàng, an toàn sức khỏe của cán bộ TPBank.

- Chỉ đạo TGĐ, BĐH nghiêm túc thực hiện Chỉ đạo của Chính phủ và NHNN về các giải pháp điều hành chính sách tiền tệ, đảm bảo kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô và thị trường tiền tệ, tập trung mọi nguồn lực chia sẻ khó khăn và đồng hành cùng doanh nghiệp và người dân chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 bằng các giải pháp cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ, thúc đẩy việc chuyển đổi số, tạo điều kiện cho vay mới để khôi phục, ổn định sản xuất - kinh doanh, góp phần thúc đẩy phục hồi tăng trưởng kinh tế, ...

- Hàng năm, khi kết thúc năm kế hoạch và trước khi triển khai nhiệm vụ kinh doanh năm mới, Ủy ban EXCO tổ chức họp trực tiếp với các Khối/Trung tâm/ĐVKD trong ngân hàng, lắng nghe tâm tư, nguyện vọng, thấu hiểu tình hình tổ chức hoạt động của các đơn vị, qua đó có khuyến khích động viên kịp thời và đưa ra những yêu cầu định hướng cho các đơn vị, tổng hợp ý kiến đóng góp để xây dựng chiến lược kinh doanh, nâng cao hiệu quả vai trò quản trị và giám sát của HĐQT.

- ***Ủy ban Nhân sự (UBNS):***

Định kỳ hàng tháng, UBNS họp và xem xét quyết định các vấn đề về nhân sự trong thẩm quyền của Ủy ban, đồng thời trực tiếp chỉ đạo thực hiện các hoạt động theo định hướng của Ngân hàng. Chỉ đạo kiểm soát chặt định biên, đảm bảo sử dụng tối ưu nguồn nhân lực, thúc đẩy tăng năng suất lao động, tăng cường phát triển cán bộ từ nguồn nội bộ, tạo cơ hội thăng tiến cho cán bộ nhân viên. Thông qua UBNS, các vấn đề liên quan đến bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh lãnh đạo, quản lý của Ngân hàng đã được tham mưu cho HĐQT để xem xét quyết định phù hợp, kịp thời, đảm bảo chất lượng đội ngũ cán bộ cấp cao của Ngân hàng theo quy định của pháp luật và Điều lệ TPBank. Đồng thời, UBNS còn chỉ đạo tăng cường hoạt động

BÁO CÁO QUẢN TRỊ (tiếp theo)

đào tạo và phát triển nguồn nhân lực trong bối cảnh dịch Covid-19 vẫn tiếp diễn trong cả nước qua hệ thống E-learning và đào tạo trực tuyến. UBNS còn xem xét và đề xuất điều chỉnh các văn bản về cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ của các đơn vị, các quy định nội bộ tại TPBank.

- ***Ủy ban Giám sát Tài sản/Nợ phải trả (SALCO):***

Thực hiện hiệu quả công tác giám sát việc quản lý cơ cấu bảng cân đối tài sản, phù hợp với chính sách quản lý rủi ro; giám sát việc thực hiện kiểm soát hoạt động kinh doanh đảm bảo tuân thủ hạn mức rủi ro thanh khoản, hạn mức rủi ro lãi suất trên sổ Ngân hàng, tổng tài sản tính theo rủi ro lãi suất trên sổ Ngân hàng; giám sát việc xây dựng và quyết định khung lãi suất huy động và cho vay, khung giá cho các sản phẩm khác, kế hoạch huy động và sử dụng vốn, nguyên tắc FTP và các nội dung khác liên quan đến công tác quản lý Tài sản/Nợ phải trả của Ngân hàng. Ủy ban SALCO còn tham mưu cho HĐQT xây dựng và ban hành các Quy chế liên quan đến hoạt động quản lý Tài sản/Nợ phải trả, quản lý vốn, quản lý Bộ chỉ số tài chính.

- ***Ủy ban Giám sát Tín dụng và Đầu tư:***

- Tham mưu cho HĐQT thông qua: Các quyết định cấp tín dụng có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn 20% vốn điều lệ cho các đối tượng là người có liên quan của Ngân hàng, cổ đông lớn và người có liên quan của cổ đông lớn, người có liên quan của HĐQT theo quy định của pháp luật, đầu tư giấy tờ có giá của TPBank từ 10% trở lên so với Vốn điều lệ; các quyết định mua bán trái phiếu giữa các TCTD; Phê duyệt và ban hành các văn bản liên quan đến hoạt động tín dụng, các văn bản liên quan đến tài sản bảo đảm và đầu tư mua, bán giấy tờ có giá thuộc chức năng, nhiệm vụ của HĐQT theo quy định của pháp luật và Điều lệ TPBank.

- Giám sát chặt chẽ các hoạt động: Phê duyệt của Hội đồng Tín dụng đầu tư cấp cao và TGĐ nhằm bảo đảm an toàn cho hoạt động tín dụng tại TPBank; Phê duyệt của TGĐ liên quan đến hoạt động cấp và điều chỉnh thẩm quyền phê duyệt tín dụng của các cấp phê duyệt tín dụng trực thuộc TGĐ; Giám sát TGĐ trong việc ban hành các văn bản liên quan đến hoạt động cấp tín dụng và đầu tư, mua bán giấy tờ có giá thuộc thẩm quyền của TGĐ; Giám sát TGĐ và các cá nhân, đơn vị trong toàn hệ thống TPBank thực hiện các công việc liên quan đến hoạt động tín dụng, Đầu tư mua, bán giấy tờ có giá.

- ***Ủy ban Quản lý Rủi ro (QLRR):***

Tham mưu cho HĐQT phê duyệt các văn bản liên quan đến công tác Quản lý rủi ro, gồm các quy chế, quy định về rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng, rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng, rủi ro thanh khoản, ...; Tham mưu cho HĐQT phê duyệt các đề xuất liên quan đến quản lý rủi ro thuộc thẩm quyền của HĐQT; Tham mưu cho HĐQT trong việc xây dựng và triển khai việc áp dụng tiêu chuẩn Basel tại TPBank. Theo đó, TPBank là một trong số ít các Ngân hàng trong toàn hệ thống được áp dụng chuẩn quốc tế Basel II trước thời hạn theo quy định của NHNN. Đặc biệt, tháng 09/2021, TPBank công bố hoàn thành toàn bộ các yêu cầu của Basel III và IFRS 9 và triển khai toàn diện cả hai chuẩn mực quốc tế quan trọng này ngay từ Quý 4/2021. Bằng việc đáp ứng toàn bộ yêu cầu của cả Basel III và IFRS 9, TPBank trở thành ngân hàng Việt Nam đầu tiên và duy nhất trong thời điểm này áp dụng đồng thời hai chuẩn mực quản trị rủi ro và báo cáo tài chính khắt khe trong lĩnh vực ngân hàng trên toàn thế giới. Trong năm qua, Ủy ban QLRR đã chỉ đạo đánh giá rủi ro và các tiềm năng, cơ hội của các ngành, lĩnh vực kinh tế trong điều kiện dịch bệnh COVID-19 bùng nổ hoặc khi đã được kiểm soát để có định hướng và giải pháp trong kinh doanh nhằm khai thác tối đa cơ hội và kiểm soát hạn chế rủi ro ở mức tối thiểu. Ủy ban QLRR còn đảm bảo thực hiện các báo cáo HĐQT về các tỷ lệ an toàn, báo cáo rủi ro tín dụng, rủi ro thị trường, ... theo định kỳ và khi cần thiết.

- ***Ủy ban Chiến lược:***

Đóng vai trò là đơn vị tham mưu, hỗ trợ cho HĐQT thực hiện một số hoạt động chuyên môn liên quan đến nghiên cứu, xây dựng, phân tích, triển khai công tác chiến lược của Ngân hàng; đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả công tác quan hệ Nhà đầu tư.

c) Hoạt động của Hội đồng Quản trị:

Trong năm 2021, để đảm bảo tuân thủ các biện pháp giãn cách xã hội nhằm phòng chống dịch bệnh COVID -19, HĐQT chỉ tổ chức được 01 phiên họp tập trung, còn lại chủ yếu họp không tập trung (91 phiên).

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Ông Đỗ Minh Phú	92/92	100%
2	Ông Lê Quang Tiến	92/92	100%

BÁO CÁO QUẢN TRỊ (tiếp theo)

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
3	Ông Đỗ Anh Tú	92/92	100%
4	Ông Shuzo Shikata	92/92	100%
5	Bà Nguyễn Thu Hà	92/92	100%
6	Ông Eiichiro So	92/92	100%
7	Bà Đỗ Thị Nhung	92/92	100%

Các Nghị quyết của Hội đồng Quản trị ban hành trong năm 2021:

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	10/2021/NQ-TPB.HĐQT	05/03/2021	Thông qua các nội dung và thời gian dự kiến tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2021	100%
2	17/2021/NQ-TPB.HĐQT	12/04/2021	Thông qua phương án bán cổ phiếu quỹ	100%
3	35/2021/NQ-TPB.HĐQT	07/06/2021	Thông qua nội dung triển khai Phương án tăng vốn điều lệ năm 2021	100%
4	39/2021/NQ-TPB.HĐQT	21/06/2021	Thông qua Hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ	100%
5	46/2021/NQ-TPB.HĐQT	25/06/2021	Thông qua việc lựa chọn đơn vị tư vấn và chi phí tư vấn phát hành cổ phiếu riêng lẻ để triển khai Phương án tăng vốn điều lệ năm 2021	100%
6	49/2021/NQ-TPB.HĐQT	06/07/2021	Thông qua nội dung Công đoàn TPBank mua lại cổ phiếu mà TPBank đã phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty (ESOP)	100%
7	50/2021/NQ-TPB.HĐQT	12/07/2021	Thông qua việc tiếp tục đầu tư, góp vốn, mua cổ phần vào Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong	100%
8	55/2021/NQ-TPB.HĐQT	30/08/2021	Thông qua danh sách nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp dự kiến tham gia đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ theo Phương án tăng vốn điều lệ năm 2021 của TPBank đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 ngày 23/04/2021 phê duyệt	100%
9	64/2021/NQ-TPB.HĐQT	16/09/2021	Thông qua Hợp đồng tư vấn phát hành trái phiếu giữa Ngân hàng TMCP Tiên Phong và Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong	100%
10	65/2021/NQ-TPB.HĐQT	20/09/2021	Thông qua kết quả chào bán cổ phiếu riêng lẻ	100%
11	67/2021/NQ-TPB.HĐQT	27/09/2021	Thông qua chủ trương lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu và thời gian thực hiện dự kiến để lấy ý kiến cho nội dung thông qua Phương án tăng vốn điều lệ đợt 2 năm 2021 của Ngân hàng TMCP Tiên Phong	100%
12	74/2021/NQ-TPB.HĐQT	04/11/2021	Thông qua việc triển khai Phương án tăng vốn điều lệ đợt 2 năm 2021 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong bằng hình thức phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Nghị quyết số 02/2021/NQ-TPB.ĐHĐCĐ ngày 01/11/2021	100%

BÁO CÁO QUẢN TRỊ (tiếp theo)

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
13	76/2021/NQ-TPB. HĐQT	10/11/2021	Thông qua việc bổ nhiệm ông Bùi Quang Cương giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Công nghệ Thông tin kể từ ngày 10/11/2021	100%
14	81/2021/NQ-TPB. HĐQT	07/12/2021	Thông qua ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu nhằm phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu	100%
15	91/2021/NQ-TPB. HĐQT	24/12/2021	Thông qua kết quả đợt phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu	100%

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng Quản trị độc lập:

Trong quá trình hoạt động, thành viên HĐQT độc lập đã tham gia đầy đủ vào các hoạt động của HĐQT phù hợp với quy định pháp luật và quy định nội bộ của TPBank, cụ thể:

- Đã hoàn thành các nhiệm vụ được Chủ tịch HĐQT phân công và quy định tại Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT.

- Thực hiện các công việc với vai trò giám sát cấp cao thuộc chức năng, nhiệm vụ của HĐQT, đóng góp ý kiến mang tính độc lập, không bị chi phối bởi lợi ích cá nhân, luôn có ý kiến thẳng thắn mang tính xây dựng tại các cuộc họp của HĐQT, hoạt động của các Ủy ban, họp giao ban toàn hệ thống và các cuộc họp với các đơn vị.

- Tích cực tham gia đóng góp ý kiến với các đơn vị Hội sở mang tính tư vấn, cung cấp thông tin về đánh giá tình hình vĩ mô, các định hướng của NHNN và nghiệp vụ chuyên môn để phục vụ cho việc nghiên cứu xây dựng và triển khai các giải pháp trong hoạt động kinh doanh nhằm đạt hiệu quả theo mục tiêu.

e) Danh sách các thành viên Hội đồng Quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty:

TPBank luôn xác định quản trị công ty tốt là một trong những yếu tố quan trọng nhất đảm bảo sự phát triển bền vững, góp phần cải thiện năng lực cạnh tranh, nâng cao giá trị Ngân hàng và cổ phiếu, tăng khả năng tiếp cận nguồn vốn, giúp tạo dựng niềm tin và tối đa hóa lợi ích cho cổ đông, nhà đầu tư. Trong năm 2021, các thành viên HĐQT, BKS, BĐH, Kế toán trưởng và Người phụ trách quản trị Ngân hàng cũng như các cán bộ chuyên trách đã tham dự đầy đủ các hội thảo, khóa đào tạo, tập huấn về kỹ năng quản lý, điều hành, bồi dưỡng năng lực nghiệp vụ về quản trị công ty theo quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và cơ quan quản lý Nhà nước khác.

Trong thời gian tới, TPBank sẽ tiếp tục nghiên cứu triển khai và tích cực tham gia các khóa học về quản trị công ty do các cơ quan quản lý Nhà nước khác và các đơn vị đào tạo có uy tín trên thế giới tổ chức dành cho Ban Lãnh đạo và các cấp quản lý chuyên trách của TPBank nhằm bồi dưỡng kiến thức, nâng cao năng lực quản trị công ty hiệu quả, giữ vững vị thế Ngân hàng số hàng đầu tại Việt Nam của TPBank.

2. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng Quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát:

a) Hoạt động của thành viên Hội đồng Quản trị độc lập:

HĐQT, BĐH, BKS được hưởng thù lao và các quyền lợi khác theo quy định hiện hành của TPBank. Trong đó, thù lao của các thành viên HĐQT, thành viên BĐH, thành viên BKS chuyên trách nằm trong quỹ tiền lương chung của TPBank và được trả theo vị trí, chức danh công việc gắn với mức độ hoàn thành nhiệm vụ.

Năm 2021, thù lao thực tế của HĐQT và BKS đảm bảo theo phê duyệt của ĐHĐCĐ.

b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người có liên quan:

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Bà Đỗ Quỳnh Anh	Người có liên quan đến Ông Đỗ Anh Tú - Phó Chủ tịch HĐQT	33.963.021	2,90%	48.550.078	3,07%	Mua 2.000.000 cổ phiếu và nhận 12.587.057 cổ phiếu thưởng

BÁO CÁO QUẢN TRỊ (tiếp theo)

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
2	Công đoàn TPBank	Tổ chức chính trị - xã hội	0	0%	170.100	0,01%	Nhận chuyển quyền sở hữu 126.000 cổ phiếu ESOP từ các cán bộ nhân viên nghỉ việc và nhận 44.100 cổ phiếu thưởng
3	Ông Lê Hồng Nam	Phó Tổng Giám đốc	225.000	0,02%	243.000	0,02%	Bán 45.000 cổ phiếu và nhận 63.000 cổ phiếu thưởng
4	Công ty TNHH SP	Tổ chức có liên quan đến Bà Nguyễn Thị Thu Nguyệt - Thành viên BKS	39.983.746	3,41%	64.575.557	4,08%	Mua 7.850.000 cổ phiếu và nhận 16.741.811 cổ phiếu thưởng
5	Công ty TNHH JB	Tổ chức có liên quan đến Bà Nguyễn Thị Thu Nguyệt - Thành viên BKS	39.962.339	3,41%	64.546.657	4,08%	Mua 7.850.000 cổ phiếu và nhận 16.734.318 cổ phiếu thưởng
6	Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư FPT	Tổ chức có liên quan đến Ông Shuzo Shikata - Phó Chủ tịch HĐQT và Bà Nguyễn Thị Thu Nguyệt Thành viên BKS	0	0%	0	0%	Mua 4.200.000 cổ phiếu và sang tên 4.200.000 cổ phiếu cho SBI Ven Holdings Pte. Ltd. theo Hợp đồng ủy thác
7	SBI Ven Holdings Pte. Ltd.	Tổ chức có liên quan đến Ông Shuzo Shikata - Phó Chủ tịch HĐQT và Ông Eiichiro So - Thành viên HĐQT	48.494.838	4,14%	71.138.031	4,50%	Mua 4.200.000 cổ phiếu qua Hợp đồng ủy thác với Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư FPT và nhận 18.443.193 cổ phiếu thưởng
8	Ông Đỗ Tất Cường	Người có liên quan đến Ông Đỗ Minh Phú - Chủ tịch HĐQT và Ông Đỗ Anh Tú - Phó Chủ tịch HĐQT	0	0%	0	0%	Bán 17.300 cổ phiếu
10	*Ông Lê Sỹ Hối*	*Người có liên quan đến Bà Lê Cẩm Tú - Kế toán trưởng*	*0*	*0%*	*0*	*0%*	*Mua và bán 20.000 cổ phiếu*

BÁO CÁO QUẢN TRỊ (tiếp theo)

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ: Không có

d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

TPBank luôn đảm bảo tuân thủ các quy định về quản trị công ty đối với công ty đại chúng quy mô lớn và niêm yết như: Luật Các tổ chức tín dụng, Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và quy định của pháp luật hiện hành, Thông tư số 116/2020/TT-BTC Hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP, Thông tư số 96/2020/ TT-BTC Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Thông tư số 13/2018/TT-NHNN về hệ thống kiểm soát nội bộ của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, và các quy định liên quan khác, Thông tư số 22/2019/TT-NHNN Quy định các giới hạn, tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và các quy định khác có liên quan.
TPBank đã rà soát, sửa đổi, bổ sung và ban hành các văn bản nội bộ để phù hợp với quy định mới về quản trị công ty như: Điều lệ TPBank, Quy chế nội bộ về quản trị Ngân hàng, Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT, Quy định về hoạt động của Ban Kiểm soát.
TPBank luôn nghiêm túc thực hiện đầy đủ và kịp thời Báo cáo quản trị công ty định kỳ 6 tháng/lần theo quy định của pháp luật.
Vào tháng 09/2021, TPBank đã công bố hoàn thành toàn bộ các yêu cầu của Basel III và IFRS 9 và triển khai toàn diện cả hai chuẩn mực quốc tế quan trọng này ngay từ Quý 4/2021. Bằng việc đáp ứng toàn bộ yêu cầu của cả Basel III và IFRS 9, TPBank trở thành ngân hàng Việt Nam đầu tiên và duy nhất trong thời điểm này áp dụng đồng thời hai chuẩn mực quản trị rủi ro và báo cáo tài chính khắt khe trong lĩnh vực ngân hàng trên toàn thế giới.

3. Công tác cổ đông và quan hệ nhà đầu tư:

- Ngày 23/04/2021, HĐQT đã tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên năm 2021, nhận được sự đồng thuận nhất trí cao của các cổ đông cho các nội dung hoạt động của TPBank. Tại phiên họp này, ĐHĐCĐ đã thống nhất thông qua các Báo cáo đánh giá tình hình hoạt động năm 2020, thông qua phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2020, đồng thời tin tưởng giao cho HĐQT và EXCO triển khai thực hiện cụ thể các kế hoạch hoạt động kinh doanh của Ngân hàng trong năm 2021.
- Tiếp nối hiệu quả của cổ phiếu TPB từ năm trước, ngay từ đầu năm 2021, TPB được lựa chọn góp mặt trong danh mục chỉ số VN30 (nhóm những cổ phiếu tốt nhất trên thị trường chứng khoán) góp phần ghi nhận sự tăng trưởng rất tích cực của cổ phiếu TPBank, giá trị đã tăng gấp đôi so với thời điểm đầu năm, liên tục phá vỡ đỉnh lịch sử và thiết lập các mốc mới, sắc tím được bao phủ ở rất nhiều phiên giao dịch, đưa giá trị vốn hoá của TPBank đạt hơn 2,8 tỷ USD. Sau thời gian dài, thanh khoản của cổ phiếu được cải thiện đáng kể, số lượng nhà đầu tư quan tâm và giao dịch TPB cũng tăng đột biến, thường vượt trên ngưỡng 10.000 cổ đông.
- TPBank luôn chú trọng đẩy mạnh, tăng cường tính minh bạch, bảo vệ quyền lợi và sự bình đẳng giữa các nhóm cổ đông, chủ động chia sẻ thông tin, tham gia kết nối với cộng đồng đầu tư, tối ưu hóa giá trị của Ngân hàng, giúp thu hút nguồn vốn đầu tư dồi dào, đảm bảo vị thế tốt của TPBank trên thị trường. Hoạt động quan hệ nhà đầu tư được cải thiện đáng kể trong các năm giúp cộng đồng nhà đầu tư được cung cấp thường xuyên, liên tục rất nhiều thông tin nổi bật của TPBank, tiếp cận các báo cáo phân tích, khuyến nghị tích cực từ các công ty chứng khoán, qua đó có những quyết định đầu tư đúng đắn và thu được thành quả tốt đẹp.
- Duy trì mức chi trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông trên 20% (năm 2020 là 20%, năm 2021 là 35%), như một hình thức ghi nhận niềm tin, đóng góp của cổ đông vào Ngân hàng.
- Nhằm gia tăng số lượng cổ phiếu đang lưu hành, cơ cấu lại nguồn vốn, bổ sung vốn lưu động để đầu tư cho hoạt động kinh doanh, từ tháng 04/2021 - tháng 05/2021, TPBank đã thực hiện bán toàn bộ 40.016.056 cổ phiếu quỹ. Việc bán cổ phiếu quỹ nằm trong khung giá được HĐQT phê duyệt, đáp ứng các quy định mới có hiệu lực của pháp luật hiện hành.
- Duy trì việc đa dạng hóa cơ cấu cổ đông: Cơ cấu cổ đông của TPBank tuân thủ giới hạn về tỷ lệ sở hữu tổ chức tín dụng của pháp luật Việt Nam. Tính đến tháng 12 năm 2021, TPBank có 6 cổ đông lớn và các cổ đông có tên tuổi trên thị trường tài chính bao gồm Tập đoàn FPT, Tập đoàn Vàng bạc Đá quý Doji, Quỹ đầu tư PYN Elite Fund (Non-Ucits), SBI Ven Holdings, Tập đoàn Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam và Công ty Tài chính Quốc tế IFC.

Năm 2022, phát huy kết quả đã được trong các năm trước đây, TPBank sẽ không ngừng đẩy mạnh hoạt động quan hệ nhà đầu tư và công tác quản lý cổ phiếu nhằm khẳng định vị thế vững mạnh của cổ phiếu TPB trên thị trường, thu hút sự chú ý của cộng đồng nhà đầu tư thông qua các hoạt động sau:
- Tiến tới việc cung cấp thông tin bằng cả 2 ngôn ngữ (Anh - Việt) trên trang web chính thức của Ngân hàng, nhằm mang lại nguồn thông tin chất lượng, đầy đủ, nhanh chóng, minh bạch cho mọi cổ đông trong và ngoài nước.
- Triển khai các thủ tục tăng vốn điều lệ bằng hình thức phát hành thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu trên cơ sở phê duyệt

BÁO CÁO QUẢN TRỊ (tiếp theo)

của ĐHĐCĐ nhằm đảm bảo quyền lợi tối đa cho mọi cổ đông, đảm bảo tuân thủ đúng mọi quy định của pháp luật hiện hành.
- Tích cực xúc tiến hoạt động trao đổi, cập nhật thông tin với cộng đồng nhà đầu tư; tiếp nhận và cố gắng xử lý mọi vướng mắc trong thời gian nhanh nhất.
- Đẩy mạnh hơn nữa hoạt động quảng bá, giới thiệu về TPBank trên các phương tiện truyền thông để mọi đối tượng nhà đầu tư đều có thể tiếp cận và nắm bắt thông tin về Ngân hàng.

HOẠT ĐỘNG
KINH DOANH
2021

10 DẤU ẤN NỔI BẬT 2021

Tích cực và chủ động trong hỗ trợ, chia sẻ khó khăn với khách hàng và cộng đồng

Gần **43.000** khách hàng được miễn, giảm và hạ lãi suất với tổng số dư nợ đã hỗ trợ lên tới **52.900** tỷ đồng.
Góp **10** tỷ đồng vào chương trình vaccine phòng Covid-19 của Chính phủ.
TPBank và DOJI đã đóng góp **70** tỷ đồng vào chương trình phòng chống Covid-19 của Chính phủ và các địa phương chịu ảnh hưởng của dịch bệnh.

Ra mắt Quỹ "Bank Tím Yêu Thương" – sát cánh bên từng mảnh ghép Tím

Với tinh thần không một thành viên nào trong ngôi nhà chung màu Tím phải đơn độc đối mặt với khó khăn, Quỹ "Bank Tím Yêu Thương" đã chính thức ra đời. Đến nay, Quỹ ghi nhận số tiền đóng góp đạt **16** tỷ, cùng với đó, 981 cán bộ nhân viên có hoàn cảnh éo le đã được Quỹ cùng đồng hành.

Lần thứ hai được vinh danh là Doanh nghiệp xuất sắc châu Á và Thương hiệu truyền cảm hứng

Đây là những giải thưởng uy tín hàng đầu khu vực châu Á từ tổ chức Enterprise Asia. Ngay cả trong thời kỳ chịu ảnh hưởng của dịch bệnh, TPBank vẫn đạt sự tăng trưởng tốt với nhiều thành tựu kinh doanh nổi bật cũng như luôn chủ động trong các hoạt động đóng góp cho cộng đồng. TPBank cũng là thương hiệu tiên phong triển khai nhiều sản phẩm, dịch vụ ngân hàng số nổi bật, tạo dựng thói quen giao dịch ngân hàng số tới hàng triệu khách hàng Việt Nam.

Top 3 nơi làm việc tốt nhất ngành ngân hàng, Top 10 Ngân hàng thương mại Việt Nam uy tín

TPBank thăng hạng ngoạn mục trong **Top 3** nơi làm việc tốt nhất ngành Ngân hàng và đứng thứ 31 trong bảng xếp hạng "100 nơi làm việc tốt nhất Việt Nam".
Năm 2021 thứ hạng của TPBank tiếp tục tăng 1 hạng trong bảng xếp hạng Top 10 ngân hàng thương mại Việt Nam uy tín.

Triển vọng tín nhiệm của TPBank ở mức cao trong hệ thống ngân hàng Việt Nam

Moody's nâng triển vọng tín nhiệm của các chỉ số xếp hạng tín nhiệm nhà phát hành, tiền gửi nội tệ và ngoại tệ dài hạn của TPBank lên **"tích cực"** từ mức "ổn định". Đây là mức đánh giá cao trong hệ thống ngân hàng Việt Nam và chỉ có 9 ngân hàng đạt được mức triển vọng này.

Chuyển đổi số mạnh mẽ, chuyên sâu, dẫn đầu thị trường Ngân hàng

Nhờ liên tiếp ra mắt các công nghệ hiện đại, cập nhật xu hướng nổi trội nhất để mang lại giá trị và sự tiện lợi nhất cho khách hàng,TPBank đã giữ vững ngôi vị **Ngân hàng số xuất sắc nhất Việt Nam** với hàng chục giải thưởng uy tín trong và ngoài nước: Ngân hàng số xuất sắc nhất Việt Nam, Ngân hàng có chất lượng dịch vụ tốt nhất, Ứng dụng ngân hàng số xuất sắc nhất, Doanh nghiệp đổi mới số, Ứng dụng tiết kiệm trên di động sáng tạo nhất...

Tổng số lượng khách hàng cá nhân đạt 5 triệu người

Tính đến cuối 2021, TPBank đã có tới **5 triệu** khách hàng cá nhân, đây là con số phát triển thần kỳ của TPBank nếu như nhìn lại chặng đường nhiều năm qua.
TPBank phục vụ hơn 2,4 triệu khách hàng trên các kênh giao dịch điện tử, và là ngân hàng có số lượng & tỉ lệ giao dịch qua kênh số hàng đầu trên thị trường.

Ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam đáp ứng nhiều chuẩn quốc tế khắt khe như Basel III, IFRS 9, ILLAP

Với việc sớm đáp ứng toàn diện các chuẩn mực quốc tế khắt khe như Basel III, IFRS 9, ILLAP... TPBank đã nâng cao chất lượng tăng trưởng bền vững cũng như đưa ra chiến lược kinh doanh hiệu quả hơn, đồng thời tăng mức độ tín nhiệm trong mắt khách hàng và các nhà đầu tư.

Đột phá ấn tượng với kết quả kinh doanh, TPBank vượt nhiều mục tiêu đề ra

TPBank đạt **6.038** tỷ đồng lợi nhuận trước thuế, tăng hơn 40% so với năm 2020.
Tổng tài sản tăng gần 42%, đạt trên **292.000** tỷ đồng, Nằm trong nhóm NHTM tốt nhất theo chỉ số xếp hạng của Thông tư 52 của NHNN về mức độ lành mạnh, minh bạch và hiệu quả trong hoạt động kinh doanh.

Vốn điều lệ tăng lên hơn 15.000 tỷ đồng, cổ phiếu TPB lọt VN30

Năm 2021, vốn điều lệ của TPBank tăng lên hơn **15.818** tỷ đồng.
Với mức vốn hóa đạt hơn **2,8 tỷ USD** trên thị trường chứng khoán, mã TPB đã được chọn vào danh mục VN30, những cổ phiếu tốt nhất trên thị trường chứng khoán.

BÁO CÁO
CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Trong năm 2021, dịch bệnh Covid-19 tiếp tục lan rộng và ảnh hưởng tới nền kinh tế toàn cầu, trong đó có Việt Nam. Đặc biệt, đợt dịch bùng phát trong nước kể từ tháng 05/2021 đã gây ảnh hưởng nghiêm trọng tới mọi lĩnh vực của nền kinh tế, nhiều địa phương kinh tế trọng điểm phải thực hiện giãn cách xã hội kéo dài để phòng chống dịch bệnh. Tuy nhiên, nhờ những biện pháp kiểm soát hiệu quả, linh hoạt của Nhà nước và Chính phủ, tạo điều kiện cho các cá nhân và doanh nghiệp trở lại trạng thái bình thường mới, khôi phục và mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, nhờ vậy GDP năm 2021 tăng 2,58% so với năm 2020.

Đóng vai trò huyết mạch trong nền kinh tế, hoạt động của hệ thống Ngân hàng cũng không tránh khỏi chịu ảnh hưởng tiêu cực từ đại dịch, đặc biệt trong công tác điều hành chính sách tiền tệ, tín dụng, cơ cấu và xử lý nợ xấu. Với nhiều nỗ lực, TPBank đã chủ động nắm bắt, dự báo tình hình, đồng thời triển khai các giải pháp linh hoạt, thích ứng trong điều kiện "bình thường mới", duy trì tăng trưởng và hoàn thành những chỉ tiêu được ĐHĐCĐ đặt ra.

CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH CHỦ YẾU 2021

Đơn vị tính: tỷ đồng, %

STT	Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Kế hoạch 2021	+/- so với cuối năm 2020	Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch 2021
1	**Tổng tài sản**	**206.315**	**292.827**	**250.000**	**86.512**	**117,13%**
2	**Vốn điều lệ**	**10.717**	**15.818**	**11.717**	**5.101**	**135,00%**
3	**Tổng huy động**	**184.911**	**262.385**	**221.893**	**77.474**	**118,25%**
3.1	Tiền gửi khách hàng & Phát hành GTCG	143.342	174.967	172.010	31.625	101,72%
3.2	Tiền gửi & vay của TCTD khác	40.880	87.016	49.883	46.136	174,44%
3.3	Vốn tài trợ ủy thác	689	402	-	(287)	-
4	**Dư nợ cho vay và trái phiếu TCKT**	**132.347**	**160.817**	**165.434**	**28.470**	**97,21%**
4.1	Cho vay khách hàng	121.042	142.196	-	21.154	-
4.2	Đầu tư trái phiếu TCKT	11.305	18.621	-	7.316	-
5	**Tỷ lệ nợ xấu cho vay theo CIC**	**1,17%**	**0,81%**	**<2%**	**-0,36%**	**-**
6	**Lợi nhuận trước thuế**	**4.389**	**6.038**	**5.800**	**1.649**	**104,10%**
7	**CAR**	**12,95%**	**13,39%**	**>9%**	**0,44%**	**-**
8	**ROE**	**23,54%**	**22,61%**	**22,07%**	**-0,93%**	**102,45%**
9	**CIR**	**40,48%**	**33,82%**	**-**	**-6,66%**	**-**

Tổng tài sản của TPBank đến 31/12/2021 đạt 292,8 nghìn tỷ đồng tăng gần 42% so với thời điểm cuối năm 2020. Tổng huy động đạt gần 262,4 nghìn tỷ đồng, trong đó cơ cấu nguồn vốn và sử dụng vốn cũng có sự thay đổi về chất khi huy động thị trường 1 đạt 175 nghìn tỷ đồng, tăng 22% so với cuối năm 2020.

Hoạt động tín dụng của Ngân hàng tiếp tục tăng trưởng tốt đồng thời vẫn đảm bảo mức tăng trưởng tín dụng được NHNN cấp phép, với tổng dư nợ đạt 160,8 nghìn tỷ đồng. Chất lượng tín dụng của TPBank được kiểm soát chặt, với mức nợ xấu cho vay nội bảng ở mức thấp 0,81%.

Tổng thu nhập hoạt động thuần năm 2021 của TPBank đạt 13.517 tỷ đồng trong đó thu nhập lãi thuần đạt 9.946 tỷ đồng, chiếm 73,6%; thu nhập thuần ngoài lãi đạt 3.571 tỷ đồng, chiếm 26,4%. Lợi nhuận trước dự phòng rủi ro tín dụng đạt 8.947 tỷ đồng. Trong năm 2021, Ngân hàng đã trích lập 2.908 tỷ đồng dự phòng rủi ro tín dụng cho vay trong đó dự phòng chung 191 tỷ đồng, dự phòng cụ thể 2.717 tỷ đồng.

CÁC HOẠT ĐỘNG CỤ THỂ

- Hoạt động huy động vốn

Huy động thị trường 1 tại 31/12/2021 đạt 175 nghìn tỷ đồng, tăng 22% so với năm 2020. Trong đó tiền gửi không kỳ hạn của khách hàng đạt 32.495 tỷ đồng, chiếm 18,6% huy động thị trường 1. Huy động bằng ngoại tệ đạt 7.401 tỷ đồng chiếm 4,2% trên huy động thị trường 1. Năm 2021, Ngân hàng tập trung thúc đẩy huy động nguồn vốn không kỳ hạn đối với phân khúc khách hàng cá nhân để có thể cân đối lãi suất huy động và cho vay cho phù hợp với hoàn cảnh nền kinh tế đang bị ảnh hưởng bởi Covid-19.

Huy động tăng trưởng theo đúng định hướng, phù hợp với nhu cầu vốn của Ngân hàng. Các sản phẩm huy động đã tập trung đa dạng hóa danh mục sản phẩm tiết kiệm nhằm đáp ứng các nhu cầu của khách hàng, đáp ứng được yêu cầu về thanh khoản và tiếp kiệm được chi phí vốn.

- Hoạt động tín dụng

Năm 2021, mặc dù bị ảnh hưởng nặng nề của đại dịch Covid-19, nhưng hoạt động kinh doanh của TPBank vẫn được đảm bảo an toàn và đạt được kết quả tích cực. Ngoài việc tiếp tục phát triển các lĩnh vực cho vay chủ đạo, các Khối kinh doanh đã triển khai đẩy mạnh tăng trưởng dư nợ, kiểm soát nợ xấu và gia tăng thị phần nhằm đảm bảo lợi nhuận cho Ngân hàng.

Dư nợ tín dụng thị trường 1 đến cuối năm 2021 toàn hàng đạt 160.817 tỷ đồng, trong đó dư nợ cho vay khách hàng đạt 142.196 tỷ đồng, trái phiếu doanh nghiệp đạt 18.621 tỷ đồng.

- Hoạt động đầu tư, kinh doanh ngoại tệ và vàng

Với mục tiêu quản lý tốt danh mục đầu tư theo hướng đảm bảo khả năng sinh lời, khả năng thanh khoản và tuân thủ đúng quy định của NHNN, kết thúc năm 2021, tổng đầu tư của TPBank vào trái phiếu chính phủ (TPCP) và trái phiếu các TCTD khác đạt gần 44 nghìn tỷ đồng, tăng khoảng 19% so với đầu năm ngoái, giúp đảm bảo dự trữ thanh khoản của Ngân hàng cũng như đa dạng hóa cơ cấu danh mục đầu tư.

TPBank tiếp tục đứng trong danh sách nhà tạo lập thị trường công cụ nợ của Chính phủ năm 2022 do Bộ Tài chính công bố.

Việc lãi suất trái phiếu TCTD giảm mạnh trong năm 2021 cũng đặt ra thách thức đối với việc tái đầu tư cho danh mục trái phiếu TCTD đáo hạn. Mặc dù vậy, TPBank đã linh hoạt hơn trong việc điều chỉnh tỷ trọng đầu tư sang trái phiếu các TCTD kỳ hạn ngắn để được hưởng lãi suất cao hơn so với TPCP và giảm bớt rủi ro lãi suất.

Mặc dù chịu ảnh hưởng của dịch Covid 19 nhưng số lượng khách hàng mới giao dịch Ngoại hối tăng lên đáng kể, doanh số mua bán ngoại tệ đạt 4,69 tỷ USD. Trong những tháng cuối năm, sản phẩm chuyển tiền quốc tế phát triển mạnh mẽ nhờ TPBank có các chính sách thúc đẩy bán tốt, TPBank đã tận dụng được hầu hết các đợt biến động giá vàng để kiểm soát trạng thái kịp thời, mang lại lợi nhuận đáng kể.

- Hoạt động định chế tài chính (FI)

Nhờ uy tín nâng cao, TPBank đã mở rộng nhiều hạn mức và quan hệ với các Định chế tài chính (ĐCTC), cụ thể: hạn mức (MM, FX, Trade finance (TF)) từ các ĐCTC trong nước và nước ngoài cho TPBank năm 2021 bằng 136% tổng hạn mức năm 2020. Nhiều ĐCTC lớn đã tăng nhiều hạn mức cho TPBank, đặc biệt trong đó có ADB tăng hạn mức TF từ 125 triệu USD lên 175 triệu USD. Điều này thể hiện sự tin tưởng, tín nhiệm của các tổ chức tài chính lớn trong và ngoài nước đối với TPBank.

Tổng quy mô đi vay và cho vay các tổ chức tín dụng khác của TPBank liên quan đến tài trợ thương mại đã lên tới 37 nghìn tỷ đồng (~ 242% so với 2020), giúp nâng cao vị thế của TPBank trên thị trường TF cả trong và ngoài nước.

Năm 2021, TPBank vẫn được Moody's giữ xếp hạng TPBank B1 trong bối cảnh ngành Ngân hàng có sự cạnh tranh khốc liệt về uy tín và vị thế.

- Hoạt động quản lý rủi ro

TPBank tiếp tục thực hiện tốt việc xây dựng khung, mô hình và vận hành theo dõi quản lý, đề xuất các biện pháp để đảm bảo bộ chỉ số tài chính của TPBank phù hợp với thông lệ quốc tế và NHNN, nâng cao đánh giá của các cơ quan quản lý, đối tác trong, ngoài nước và các tổ chức xếp hạng.

TPBank hoàn thành áp dụng 03 Trụ cột theo Basel II về mức đủ vốn và trở thành một trong những Ngân hàng đầu tiên của Việt Nam triển khai xong ba trụ cột của Basel II, phối hợp với đối tác thực hiện Báo cáo rà soát độc lập tuân thủ quy trình đánh

giá nội bộ về mức đủ vốn (ICAAP) theo quy định của NHNN. TPBank cũng là ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam thực hiện triển khai Basel III và các kết quả triển khai đã được Công ty TNHH KPMG thực hiện rà soát và xác nhận tuân thủ hoàn toàn với các quy định của Basel III. Đồng thời, TPBank cũng đã hoàn thành các yêu cầu của IFRS-9, hoàn thành rà soát toàn bộ yêu cầu của Chuẩn mực Báo cáo tài chính quốc tế IFRS (gồm 41 chuẩn mực Kế toán quốc tế - IAS và 16 chuẩn mực Báo cáo tài chính quốc tế - IFRS) với chuẩn mực Kế toán Việt Nam - VAS, từ đó xác định ra các khác biệt và các bút toán chuyển đổi để lập báo cáo tài chính tuân thủ hoàn toàn IFRS. Theo đó, TPBank trở thành một trong những ngân hàng Việt Nam đầu tiên áp dụng IFRS sớm trước quy định của Bộ Tài chính (giai đoạn yêu cầu áp dụng tự nguyện từ 2022 - 2025).

- Công tác nhân sự và đào tạo:

Tổng số cán bộ nhân viên (CBNV) của toàn hệ thống TPBank tới 31/12/2021 là 7.505 người, tăng 311 người (tăng 4,3%) so với cuối năm 2020, chủ yếu là tăng do định hướng mở rộng lực lượng bán, dự án trọng điểm, mở mới các chi nhánh và đẩy mạnh tín dụng bán lẻ.

Trong năm 2021, TPBank tiếp tục chú trọng công tác đánh giá và tạo cơ hội thăng tiến cho CBNV, tỷ lệ bổ nhiệm cán bộ quản lý từ nguồn nội bộ đạt mức 54%. Trong số đó có 27% là cán bộ quản lý (CBQL) cấp trung và cao cấp (Giám đốc mảng/Trưởng/Phó phòng trở lên).

Năm 2021, TPBank đã tiếp tục đạt được các giải thưởng danh giá và có uy tín cao trong lĩnh vực nhân sự, như: (1) Top 100 Nơi Làm Việc Tốt Nhất Việt Nam (Thứ hạng 3 trong ngành Ngân hàng - tăng 2 hạng so với năm 2020, thứ hạng 31 trong 100 Nơi làm việc tốt nhất Việt Nam - tăng 11 hạng so với năm 2020); (2) Top 50 Doanh nghiệp Việt có Thương hiệu nhà Tuyển dụng Hấp Dẫn.

- Lĩnh vực công nghệ thông tin (CNTT):

Năm 2021, với tinh thần Chuyển đổi số quyết liệt, TPBank đã đầu tư nguồn lực chuyên trách, triển khai đồng thời nhiều dự án/giải pháp mới với hàm lượng công nghệ cao, tạo bước đột phá trong đổi mới số:

- Xây dựng đội ngũ nhân sự chuyên trách cho đổi mới số của từng khối thông qua dự án Rocket. Thành lập team R&D là nòng cốt trong việc phát triển những tính năng mới cho eBankBiz.
- Hoàn thành nghiên cứu BioCenter (FaceID; FingerID; VoiceID; Liveness Detect) trên cở sở xây dựng một nền tảng ứng dụng sinh trắc học tập trung, làm cơ sở cho việc chuẩn hoá và triển khai nhanh, đồng nhất ứng dụng sinh trắc học trên toàn hàng.
- Triển khai 228 bots trong năm 2021, vượt xa kế hoạch 145 bots ban đầu, đưa tổng số bots hiện có lên 303.
- Triển khai Open API trên Sandbox, giúp tích hợp nhanh, môi trường thử nghiệm an toàn với các công ty fintech, các đối tác cung cấp dịch vụ tài chính khác.
- Triển khai ứng dụng All In One giúp cải thiện 30-50% về thời gian thao tác của call center và teller tại quầy giao dịch.
- Triển khai các dự án trọng điểm như Sale app tích hợp hầu hết các tính năng hỗ trợ bán hàng cho nhân viên bán hàng,
- Triển khai dự án eBankBiz với nhiều tính năng mới nổi trội sử dụng nguồn lực nội bộ với chi phí đầu tư lên đến hàng triệu USD.
- Ngân hàng đầu tiên tích hợp CCCD thẻ chip vào eBankX và cũng là ngân hàng đầu tiên triển khai thanh toán song phương 2 chiều QR code với Thái Lan.
- Thích ứng nhanh linh hoạt mô hình WFH do dịch Covid, vận hành an toàn thông suốt trong mùa dịch.
- Xử lý 62.000 ticket ANBM, 495 lỗ hổng, triển khai trên 20 dự án ATTT (WAF, Rà soát mã độc, Mã hóa ổ cứng, DNS Sec, PAM, QNI, PCI, FireEye, NCM, Swift...)

Ngoài ra với hàng chục các dự án lớn nhỏ triển khai đồng thời đem lại cho TPBank một nền tảng công nghệ vững chắc, một bước tiến đột phá trong chuyển đổi số.

- Phát triển sản phẩm, khách hàng

Khách hàng cá nhân (KHCN):

Ngân hàng đã triển khai nhiều chương trình, sản phẩm dịch vụ đa dạng, phục vụ cho nhiệm vụ phát triển khách hàng cá nhân giao dịch (Transaction Banking), qua đó đã có sự cộng hưởng, đồng bộ chính sách trên các kênh để nâng số KHCN lên khoảng

5 triệu khách hàng (KH) (Riêng năm 2021 tăng 1,5 triệu KH mới). Đây là nhân tố chính giúp cho CASA của khách hàng cá nhân tăng trưởng đến 90% so với năm 2020, đã giúp cho giá vốn của Ngân hàng liên tục giảm, hỗ trợ giảm lãi suất cho vay, ưu đãi cho khách hàng.

Trong năm 2021, một loạt các sản phẩm dịch vụ được thiết kế mới hoặc chỉnh sửa bổ sung đã đem lại tiếng vang và hiệu quả rõ rệt. Điển hình như sản phẩm Tài khoản NickName/ShopName, VietQR..., ngoài ra Ngân hàng cũng thực hiện sửa đổi một loạt các SP Cho vay như Sản phẩm "CV-covid" giúp khách hàng có dòng tiền hợp lý, sản phẩm tài khoản số đẹp...đáp ứng nhu cầu hiện hữu của khách hàng.

Thành lập trung tâm cho vay 100% số hóa (Digital Lending-DICO) đã được triển khai thành công bước đầu, qua đó kết hợp với các đối tác như MOMO, triển khai cho vay tự động 100% và ngay lập tức.

Khách hàng doanh nghiệp (KHDN):

Năm 2021, tiếp tục bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh, tuy nhiên các Doanh nghiệp đã dần thích ứng và chuyển đổi hoạt động cho phù hợp với thực tế mức ảnh hưởng của dịch bệnh. Ngân hàng tiếp tục sàng lọc và phân loại Khách hàng, tiếp tục hỗ trợ giảm lãi suất, cơ cấu cho các Khách hàng chịu ảnh hưởng lớn từ dịch bệnh.

Ngoài ra, Ngân hàng tiếp tục phát triển nhiều sản phẩm mới nhằm phục vụ tốt nhất nhu cầu khách hàng cũng như gia tăng số lượng KH mới. Các sản phẩm ngành trọng điểm, các ngành ít bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh được lựa chọn để khai thác nhóm KH mục tiêu. Các nhóm ngành Dược, thiết bị y tế, xây dựng, sắt thép, viễn thông, cung cấp thiết bị điện...

Đối với mảng ngân hàng điện tử dành cho doanh nghiệp, TPBank liên tục cải tiến và triển khai mới các sản phẩm phù hợp với khách hàng theo từng phân khúc khác nhau từ quy mô nhỏ và vừa tới quy mô lớn. Ngân hàng liên tục mở rộng các kết nối, từ các kết nối với các cơ quan nhà nước, các trung tâm thanh toán như thuế, hải quan, kho bạc...đến các kết nối với các công ty tài chính, fintech như các kết nối ví,... và các kết nối với từng Doanh nghiệp nhằm cung cấp sản phẩm, dịch vụ đa dạng và may đo nhu cầu tới từng doanh nghiệp cụ thể.

- Phát triển mạng lưới:

Trong năm 2021, mặc dù chịu ảnh hưởng của dịch Covid-19, TPBank vẫn duy trì được tốc độ mở mới LiveBank với 80 điểm được mở mới trên toàn quốc, đạt gần 400 điểm tính đến hết 31/12/2021. Số tỉnh/thành phố có LiveBank tiếp tục tăng từ 24 tỉnh/thành phố năm 2020 lên 36 tỉnh/thành phố trong năm 2021.

Đồng thời TPBank đã thực hiện khai trương hoạt động 05 chi nhánh tại: Hà Nội, TP HCM, Bắc Giang, Quảng Ngãi, Bình Định và 04 Phòng giao dịch (PGD): 02 PGD tại Hà Nội, 02 PGD tại TP HCM. Số lượng Chi nhánh, Phòng giao dịch đã được Ngân hàng cấp phép tại các tỉnh thành phố trên cả nước đến hết 31/12/2021 lần lượt là 53 Chi nhánh, 67 phòng giao dịch.

BÁO CÁO
TÀI CHÍNH
ĐÃ KIỂM TOÁN
2021

THÔNG TIN CHUNG

NGÂN HÀNG

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong (sau đây gọi tắt là "Ngân hàng") là ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam vào ngày 05 tháng 05 năm 2008 theo Giấy phép thành lập số 123/GP-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam ("NHNN"); Giấy phép thành lập của Ngân hàng được điều chỉnh, sửa đổi và bổ sung theo Quyết định số 1776/QĐ-NHNN ngày 10 tháng 11 năm 2021 của Thống đốc NHNN. Thời hạn hoạt động của Ngân hàng là 99 năm kể từ ngày cấp Giấy phép thành lập số 123/GP-NHNN. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Ngân hàng được đăng ký lần đầu ngày 12 tháng 05 năm 2008 và đăng ký thay đổi lần thứ 27 vào ngày 18 tháng 11 năm 2021.

Hoạt động chính của Ngân hàng là thực hiện các giao dịch ngân hàng ở Việt Nam bao gồm huy động và nhận tiền gửi ngắn hạn, trung hạn và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với các tổ chức và cá nhân trên cơ sở tính chất và khả năng nguồn vốn của Ngân hàng; thực hiện các giao dịch ngoại tệ; cung cấp các dịch vụ tài trợ thương mại quốc tế; thực hiện chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và các giấy tờ có giá khác, kinh doanh vàng và các dịch vụ ngân hàng khác được NHNN cho phép.

Trụ sở và mạng lưới hoạt động

Ngân hàng có trụ sở chính đặt tại Tòa nhà TPBank, 57 Phố Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Ngân hàng có một (01) Hội sở chính, một (01) Văn phòng đại diện tại Thành phố Hồ Chí Minh, năm mươi ba (53) chi nhánh, sáu mươi bảy (67) phòng giao dịch tại các tỉnh và thành phố trên cả nước đã được Ngân hàng Nhà nước cấp phép (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Ngân hàng có một (01) Hội sở chính, một (01) Văn phòng đại diện tại Thành phố Hồ Chí Minh, ba mươi chín (39) chi nhánh, bốn mươi sáu (46) phòng giao dịch tại các tỉnh và thành phố trên cả nước).

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị của Ngân hàng trong năm và vào ngày lập báo cáo tài chính này như sau:

Họ tên	Chức vụ
Ông Đỗ Minh Phú	Chủ tịch
Ông Lê Quang Tiến	Phó Chủ tịch
Ông Đỗ Anh Tú	Phó Chủ tịch
Ông Shuzo Shikata	Phó Chủ tịch
Bà Nguyễn Thu Hà	Thành viên
Ông Eiichiro So	Thành viên
Bà Đỗ Thị Nhung	Thành viên độc lập

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát của Ngân hàng trong năm và vào ngày lập báo cáo tài chính này như sau:

Họ tên	Chức vụ
Bà Nguyễn Thị Bảo	Trưởng Ban Kiểm soát
Ông Thái Duy Nghĩa	Thành viên chuyên trách
Bà Nguyễn Thị Thu Nguyệt	Thành viên không chuyên trách

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, GIÁM ĐỐC KHỐI TÀI CHÍNH VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên Ban Tổng giám đốc, Giám đốc Khối Tài chính và Kế toán Trưởng của Ngân hàng trong năm và vào ngày lập báo cáo tài chính này như sau:

Họ tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Hưng	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Đông Anh	Phó Tổng giám đốc
Ông Nguyễn Hồng Quân	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Việt Anh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Hồng Nam	Phó Tổng Giám đốc
Ông Khúc Văn Họa	Phó Tổng Giám đốc
Bà Trương Thị Hoàng Lan	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đinh Văn Chiến	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Quang Cương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Lâm Hoàng	Giám đốc Khối Tài chính
Bà Lê Cẩm Tú	Kế toán Trưởng

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng trong năm và vào ngày lập báo cáo tài chính này là ông Đỗ Minh Phú, chức danh Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Ông Nguyễn Hưng - Tổng Giám đốc được Ông Đỗ Minh Phú ủy quyền ký báo cáo tài chính kèm theo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 theo Văn bản Ủy quyền số 111/2012/QĐ-TPB.HĐQT ngày 10 tháng 08 năm 2012.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Ngân hàng.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong ("Ngân hàng") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Ngân hàng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc của Ngân hàng chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Ngân hàng trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Ngân hàng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Ngân hàng sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Ngân hàng, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Ngân hàng và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Ngân hàng vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Điều hành:

Ông Nguyễn Hưng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 28 tháng 02 năm 2022

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các cổ đông**
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong ("Ngân hàng") được lập ngày 28 tháng 01 năm 2022 và được trình bày từ trang 6 đến trang 71, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Ngân hàng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Ngân hàng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Ngân hàng liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Ngân hàng. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Đặng Phương Hà
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2400-2018-004-1

Trần Thị Thu Hiền
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2487-2018-004-1

Hà Nội, Việt Nam,
Ngày 28 tháng 02 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

	Thuyết minh	*31/12/2021 triệu đồng*	*31/12/2020 triệu đồng*
TÀI SẢN			
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	**2**	**2.553.309**	**2.214.265**
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ("NHNN")	**3**	**18.039.848**	**9.108.762**
Tiền gửi và cấp tín dụng cho các tổ chức tín dụng ("TCTD") khác	**4**	**48.752.914**	**12.698.296**
Tiền gửi tại các TCTD khác		35.868.051	8.685.780
Cấp tín dụng cho các TCTD khác		12.884.863	4.012.516
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác		**-**	**77.344**
Cho vay khách hàng		**139.462.565**	**118.084.610**
Cho vay khách hàng	5	141.227.857	119.990.991
Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng		(1.765.292)	(1.906.381)
Hoạt động mua nợ	**6**	**960.393**	**1.043.036**
Mua nợ		967.650	1.051.094
Dự phòng rủi ro hoạt động mua nợ		(7.257)	(8.058)
Chứng khoán đầu tư	**7**	**62.404.684**	**48.095.142**
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		62.735.195	48.197.336
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn		44.700	44.700
Dự phòng chứng khoán đầu tư		(375.211)	(146.894)
Tài sản cố định		**788.613**	**708.842**
Tài sản cố định hữu hình		512.870	475.619
Nguyên giá tài sản cố định		1.133.034	934.334
Khấu hao tài sản cố định		(620.164)	(458.715)
Tài sản cố định vô hình		275.743	233.223
Nguyên giá tài sản cố định		620.296	483.915
Hao mòn tài sản cố định		(344.553)	(250.692)
Tài sản Có khác		**19.864.752**	**14.284.297**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

	Thuyết minh	*31/12/2021 triệu đồng*	*31/12/2020 triệu đồng*
Các khoản phải thu		16.282.628	11.084.592
Các khoản lãi, phí phải thu		1.935.129	1.677.236
Tài sản Có khác		1.650.611	1.576.170
Dự phòng rủi ro các tài sản Có nội bảng khác		(3.616)	(53.701)
TỔNG TÀI SẢN		**292.827.078**	**206.314.594**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

	Thuyết minh	*31/12/2021 triệu đồng*	*31/12/2020 triệu đồng*
NỢ PHẢI TRẢ			
Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	**8**	**564.074**	**697.937**
Tiền gửi và vay các TCTD, tổ chức tài chính khác	**9**	**87.015.960**	**40.879.958**
Tiền gửi của các TCTD khác		53.315.464	19.401.344
Vay các TCTD, tổ chức tài chính khác		33.700.496	21.478.614
Tiền gửi của khách hàng	**10**	**139.562.262**	**115.903.526**
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác		**77.705**	**-**
Vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	**11**	**401.664**	**688.576**
Phát hành giấy tờ có giá	**12**	**35.405.147**	**27.438.818**
Các khoản nợ khác		**3.813.196**	**3.961.381**
Các khoản lãi, phí phải trả		2.583.032	2.608.422
Các khoản phải trả và công nợ khác		1.230.164	1.352.959
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		**266.840.008**	**189.570.196**
VỐN CHỦ SỞ HỮU			
Vốn và các quỹ	**13**	**25.987.070**	**16.744.398**
Vốn		18.378.520	9.859.189
- Vốn điều lệ		15.817.555	10.716.717
- Thặng dư vốn cổ phần		2.560.965	51.071
- Cổ phiếu quỹ		-	(908.599)
Quỹ của TCTD		**1.388.879**	**862.350**
Lợi nhuận chưa phân phối		**6.219.671**	**6.022.859**
TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU		**25.987.070**	**16.744.398**
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ, VỐN CHỦ SỞ HỮU		**292.827.078**	**206.314.594**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Thuyết minh	*31/12/2021 triệu đồng*	*31/12/2020 triệu đồng*
Bảo lãnh vay vốn		212.050	208.607
Cam kết giao dịch hối đoái		**138.708.645**	**92.527.867**
- Cam kết mua ngoại tệ		1.918.825	7.639.719
- Cam kết bán ngoại tệ		1.927.747	7.532.709
- Cam kết giao dịch hoán đổi		134.862.073	77.355.439
Cam kết trong nghiệp vụ L/C		**3.832.911**	**2.605.732**
Bảo lãnh khác		**25.688.026**	**17.110.059**
Các cam kết khác		**14.114.344**	**7.262.285**
		182.555.976	**119.714.550**

Người lập	**Người kiểm soát**	**Người phê duyệt**
Bà Lê Cẩm Tú	**Ông Nguyễn Lâm Hoàng**	**Ông Nguyễn Hưng**
Kế toán trưởng	Giám đốc Khối Tài chính	Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam,
Ngày 28 tháng 02 năm 2022

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

	Thuyết minh	*31/12/2021 triệu đồng*	*31/12/2020 triệu đồng*
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	15	17.426.817	14.828.235
Chi phí lãi và các chi phí tương tự	16	(7.480.768)	(7.209.178)
Thu nhập lãi thuần		**9.946.049**	**7.619.057**
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		2.259.689	1.539.850
Chi phí hoạt động dịch vụ		(717.223)	(602.817)
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	**17**	**1.542.466**	**937.033**
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	**18**	**373.374**	**408.138**
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	**19**	**1.409.742**	**710.680**
Thu nhập từ hoạt động khác		495.761	1.096.636
Chi phí hoạt động khác		(249.984)	(402.355)
Lãi thuần từ hoạt động khác	**20**	**245.777**	**694.281**
TỔNG THU NHẬP HOẠT ĐỘNG		**13.517.408**	**10.369.189**
Chi phí cho nhân viên		(2.537.952)	(2.254.907)
Chi phí khấu hao tài sản cố định		(257.062)	(211.559)
Chi phí hoạt động khác		(1.775.682)	(1.730.827)
TỔNG CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG	**21**	**(4.570.696)**	**(4.197.293)**
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		**8.946.712**	**6.171.896**
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		(2.908.490)	(1.783.373)

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

	Thuyết minh	*31/12/2021 triệu đồng*	*31/12/2020 triệu đồng*
TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ		**6.038.222**	**4.388.523**
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành		**(1.209.043)**	**(878.334)**
Tổng chi phí thuế TNDN		(1.209.043)	(878.334)
LỢI NHUẬN SAU THUẾ		4.829.179	3.510.189
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng)	**14**	**3.234**	**2.482**

Người lập | **Người kiểm soát** | **Người phê duyệt**

Bà Lê Cẩm Tú
Kế toán trưởng

Ông Nguyễn Lâm Hoàng
Giám đốc Khối Tài chính

Ông Nguyễn Hưng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam,
Ngày 28 tháng 02 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

	Thuyết minh	*Năm 2021 triệu đồng*	*Năm 2020 triệu đồng*
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được		17.261.090	14.346.496
Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả		(7.560.853)	(6.659.517)
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được		1.542.466	937.033
Chênh lệch số tiền thực thu từ hoạt động kinh doanh chứng khoán, vàng bạc, ngoại tệ		2.006.642	1.243.901
Thu nhập khác		(2.345)	555.774
Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xoá, bù đắp bằng nguồn dự phòng rủi ro		247.956	138.506
Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ		(4.283.954)	(3.950.565)
Tiền thuế thu nhập thực nộp trong năm		(1.273.872)	(785.082)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và vốn lưu động		**7.937.130**	**5.826.546**
Những thay đổi về tài sản hoạt động			
Tăng các khoản tiền gửi và cấp tín dụng cho các TCTD khác		(8.872.347)	(2.771.984)
Tăng các khoản về kinh doanh chứng khoán		(12.537.860)	(21.934.232)
Tăng các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác		77.344	(64.357)
Tăng các khoản cho vay khách hàng		(19.588.462)	(24.915.316)
Sử dụng nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất các khoản (tín dụng, chứng khoán, đầu tư dài hạn)		(3.101.468)	(1.086.605)
(Tăng)/Giảm khác về tài sản hoạt động		(245.342)	291.333
Những thay đổi về công nợ hoạt động			
Giảm các khoản nợ Chính phủ và NHNN		(133.863)	(130.068)
Tăng/(Giảm) các khoản tiền gửi, tiền vay các TCTD, tổ chức tài chính khác		37.803.221	(1.160.460)
Tăng tiền gửi của khách hàng		23.658.736	23.464.031
Tăng phát hành giấy tờ có giá (ngoại trừ giấy tờ có giá phát hành được tính vào hoạt động tài chính)		9.532.629	8.726.598
Tăng/(Giảm) các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác		77.705	-
Giảm vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro		(286.912)	(17.471)
(Giảm)/Tăng khác về công nợ hoạt động		(91.254)	541.144

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

	Thuyết minh	*Năm 2021 triệu đồng*	*Năm 2020 triệu đồng*
Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động kinh doanh		**34.229.257**	**(13.230.841)**
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Mua sắm tài sản cố định		(629.215)	(410.688)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ		166	1
Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		**(629.049)**	**(410.687)**
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tăng vốn cổ phần từ phát hành cổ phiếu		3.283.500	390.694
Tiền thu bán cổ phiếu quỹ		1.134.993	-
Tiền chi mua cổ phiếu quỹ		-	(225.360)
Tiền chi thanh toán giấy tờ có giá dài hạn có đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vốn vay dài hạn khác		(1.566.300)	(41.900)
Tiền thu từ phát hành giấy tờ có giá dài hạn có đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vốn vay dài hạn khác		-	4.328.100
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		**2.852.193**	**4.451.534**
Lưu chuyển tiền thuần trong năm		**36.452.401**	**(9.189.994)**
Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm đầu năm		**20.008.807**	**29.198.801**
Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm cuối năm	**22**	**56.461.208**	**20.008.807**

Người lập

Bà Lê Cẩm Tú
Kế toán trưởng

Người kiểm soát

Ông Nguyễn Lâm Hoàng
Giám đốc Khối Tài chính

Người phê duyệt

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN TIÊN PHONG

Ông Nguyễn Hưng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam,
Ngày 28 tháng 02 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong (sau đây gọi tắt là "Ngân hàng") là ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam vào ngày 05 tháng 05 năm 2008 theo Giấy phép thành lập số 123/GP-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam ("NHNN"); Giấy phép thành lập của Ngân hàng được điều chỉnh, sửa đổi và bổ sung theo Quyết định số 1776/QĐ-NHNN ngày 10 tháng 11 năm 2021 của Thống đốc NHNN. Thời hạn hoạt động của Ngân hàng là 99 năm kể từ ngày cấp Giấy phép thành lập số 123/GP-NHNN. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Ngân hàng được đăng ký lần đầu ngày 12 tháng 05 năm 2008 và đăng ký thay đổi lần thứ 27 vào ngày 18 tháng 11 năm 2021.

Hoạt động chính của Ngân hàng là thực hiện các giao dịch ngân hàng ở Việt Nam bao gồm huy động và nhận tiền gửi ngắn hạn, trung hạn và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với các tổ chức và cá nhân trên cơ sở tính chất và khả năng nguồn vốn của Ngân hàng; thực hiện các giao dịch ngoại tệ; đầu tư trái phiếu; cung cấp các dịch vụ tài trợ thương mại quốc tế; thực hiện chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và các giấy tờ có giá khác, kinh doanh vàng và các dịch vụ ngân hàng khác được NHNN cho phép.

Vốn Điều lệ

Số vốn điều lệ của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 15.817.555 triệu đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 10.716.717 triệu đồng).

Mạng lưới Hoạt động

Ngân hàng có trụ sở chính đặt tại Tòa nhà TPBank, 57 Phố Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Ngân hàng có một (01) Hội sở chính, một (01) Văn phòng đại diện tại Thành phố Hồ Chí Minh, năm mươi ba (53) chi nhánh, sáu mươi bảy (67) phòng giao dịch tại các tỉnh và thành phố trên cả nước đã được Ngân hàng Nhà nước cấp phép (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Ngân hàng có một (01) Hội sở chính, một (01) Văn phòng đại diện tại Thành phố Hồ Chí Minh, ba mươi chín (39) chi nhánh, bốn mươi sáu (46) phòng giao dịch tại các tỉnh và thành phố trên cả nước).

Nhân viên

Tổng số cán bộ công nhân viên của Ngân hàng vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 7.505 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 7.194 người).

2. TIỀN MẶT, VÀNG BẠC, ĐÁ QUÝ

	31/12/2021 triệu đồng	*31/12/2020 triệu đồng*
Tiền mặt bằng VND	693.645	802.563
Tiền mặt bằng ngoại tệ	258.643	488.300
Vàng tiền tệ	1.601.021	923.402
	2.553.309	**2.214.265**

3. TIỀN GỬI TẠI NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM ("NHNN")

	31/12/2021 triệu đồng	*31/12/2020 triệu đồng*
Tiền gửi thanh toán tại NHNN		
- Bằng VND	14.385.522	8.359.883
- Bằng Ngoại tệ	3.654.326	748.879
	18.039.848	**9.108.762**

4. TIỀN GỬI VÀ CẤP TÍN DỤNG CHO CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG ("TCTD") KHÁC

	31/12/2021 triệu đồng	*31/12/2020 triệu đồng*
Tiền gửi tại các TCTD khác	35.868.051	8.685.780
Cấp tín dụng cho các TCTD khác	12.884.863	4.012.516
	48.752.914	**12.698.296**

4.1 Tiền gửi tại các TCTD khác

	31/12/2021 triệu đồng	*31/12/2020 triệu đồng*
Tiền gửi không kỳ hạn	**19.318.051**	**7.685.780**
- Bằng VND	18.332.684	7.226.202
- Bằng Ngoại tệ	985.367	459.578
Tiền gửi có kỳ hạn	**16.550.000**	**1.000.000**
- Bằng VND	16.550.000	1.000.000
	35.868.051	**8.685.780**

Trong đó, số tiền gửi tại các TCTD khác có kỳ hạn không quá 91 ngày tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 16.550.000 triệu đồng.

4.2 Cấp tín dụng cho các TCTD khác

	31/12/2021 triệu đồng	*31/12/2020 triệu đồng*
Bằng VND	11.002.049	3.205.531
Bằng ngoại tệ	1.882.814	806.985
	12.884.863	**4.012.516**

4.3 Phân tích chất lượng dư nợ cấp tín dụng, tiền gửi có kỳ hạn tại các TCTD khác

	31/12/2021 triệu đồng	*31/12/2020 triệu đồng*
Nợ đủ tiêu chuẩn		
- Tiền gửi có kỳ hạn tại các TCTD khác	16.550.000	1.000.000
- Cấp tín dụng cho các TCTD khác	12.884.863	4.012.516
	29.434.863	**5.012.516**

4.4 Dự phòng rủi ro tiền gửi và cho vay TCTD khác

	31/12/2021 triệu đồng	*31/12/2020 triệu đồng*
Số dư đầu kỳ	**-**	**-**
Số dự phòng trích lập trong kỳ	130.759	-
Xử lý rủi ro trong kỳ	(130.759)	-
Số dư cuối kỳ	**-**	**-**

5. CHO VAY KHÁCH HÀNG

	31/12/2021 triệu đồng	*31/12/2020 triệu đồng*
Cho vay các tổ chức kinh tế, cá nhân trong nước	139.073.396	117.673.901
Cho vay chiết khấu thương phiếu và các giấy tờ có giá	1.469.273	979.040
Cho vay bằng vốn tài trợ, ủy thác đầu tư	24.712	55.834
Cho vay các tổ chức kinh tế, cá nhân nước ngoài	660.476	1.282.216
	141.227.857	**119.990.991**

5.1 Phân tích chất lượng nợ cho vay

	31/12/2021 triệu đồng	*31/12/2020 triệu đồng*
Nợ đủ tiêu chuẩn	137.993.967	116.947.320
Nợ cần chú ý	2.077.054	1.623.222
Nợ dưới tiêu chuẩn	510.516	661.225
Nợ nghi ngờ	348.890	330.799
Nợ có khả năng mất vốn	297.430	428.425
	141.227.857	**119.990.991**

5.2 Phân tích dư nợ theo thời gian cho vay gốc

	31/12/2021 triệu đồng	*31/12/2020 triệu đồng*
Nợ ngắn hạn	36.990.602	35.328.320
Nợ trung hạn	29.931.933	29.601.337
Nợ dài hạn	74.305.322	55.061.334
	141.227.857	**119.990.991**

6. HOẠT ĐỘNG MUA NỢ

	31/12/2021 triệu đồng	*31/12/2020 triệu đồng*
Mua nợ bằng VND	701.496	777.818
Mua nợ bằng ngoại tệ	266.154	273.276
Dự phòng rủi ro	(7.257)	(8.058)
	960.393	**1.043.036**

7. CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ

	31/12/2021 triệu đồng	*31/12/2020 triệu đồng*
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	**62.735.195**	**48.197.336**
Chứng khoán nợ	62.554.995	48.107.236
Chứng khoán vốn	180.200	90.100
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	**44.700**	**44.700**
Trái phiếu Công ty mua bán nợ và tài sản tồn đọng của doanh nghiệp ("DATC")	44.700	44.700
	62.779.895	**48.242.036**
Dự phòng chứng khoán đầu tư	**(375.211)**	**(146.894)**
Chứng khoán sẵn sàng để bán	(374.876)	(146.559)
Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn	(335)	(335)
- Trái phiếu DATC	(335)	(335)
	62.404.684	**48.095.142**

7.1 Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán

	31/12/2021 triệu đồng	*31/12/2020 triệu đồng*
Chứng khoán nợ	**62.554.995**	**48.107.236**

	31/12/2021 triệu đồng	*31/12/2020 triệu đồng*
Trái phiếu Chính phủ	18.849.337	20.673.971
Chứng khoán nợ của các TCTD khác trong nước	16.978.995	9.972.422
Chứng khoán nợ của các TCKT trong nước	18.576.663	11.260.626
Chứng chỉ tiền gửi/kỳ phiếu	8.150.000	6.200.217
Chứng khoán vốn	**180.200**	**90.100**
Chứng khoán vốn do các TCTD khác trong nước phát hành	-	-
Chứng khoán vốn do các TCKT trong nước phát hành	180.200	90.100
	62.735.195	**48.197.336**
Dự phòng chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	**(374.876)**	**(146.559)**
Dự phòng chung	(141.125)	(146.559)
Dự phòng cụ thể	(1.205)	-
Dự phòng giảm giá	(232.546)	-

7.2 Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2021 triệu đồng	*31/12/2020 triệu đồng*
Mệnh giá trái phiếu DATC	44.700	44.700
Dự phòng chung trái phiếu DATC	(335)	(335)
	44.365	**44.365**

7.3 Phân tích chất lượng chứng khoán được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng

	31/12/2021 triệu đồng	*31/12/2020 triệu đồng (Trình bày lại)*
Nợ đủ tiêu chuẩn	34.228.518	21.665.850
Nợ cần chú ý	-	-
Nợ dưới tiêu chuẩn	-	-
Nợ nghi ngờ	-	-
Nợ có khả năng mất vốn	60.000	-
	34.288.518	**21.665.850**

7.4 Tình hình biến động dự phòng các khoản chứng khoán đầu tư

Tình hình biến động các khoản chứng khoán đầu tư trong năm 2021 như sau:

	Dự phòng chung chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán (chứng khoán nợ) triệu đồng	*Dự phòng cụ thể chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán (chứng khoán nợ) triệu đồng*	*Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán (chứng khoán nợ)*	*Dự phòng chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (trái phiếu DATC) triệu đồng*	*Tổng triệu đồng*
Số dư đầu năm	**146.559**	**-**	**-**	**335**	**146.894**
Trích lập trong năm	*(5.434)*	1.205	*232.546*	-	*228.317*
Số dư cuối năm	**141.125**	**1.205**	**232.546**	**335**	**375.211**

Tình hình biến động dự phòng các khoản chứng khoán đầu tư trong năm 2020 như sau:

	Dự phòng chung chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán (chứng khoán nợ) triệu đồng	*Dự phòng cụ thể chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán (chứng khoán nợ) triệu đồng*	*Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán (chứng khoán nợ) triệu đồng*	*DDự phòng chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (trái phiếu DATC) triệu đồng*	*Tổng triệu đồng*
Số dư đầu năm	**108.405**	**-**	**-**	**335**	**108.740**
Trích lập trong năm	*38.154*	-	-	-	*38.154*
Số dư cuối năm	**146.559**	**-**	**-**	**335**	**146.894**

8. CÁC KHOẢN NỢ CHÍNH PHỦ VÀ NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC ("NHNN")

	31/12/2021 triệu đồng	*31/12/2020 triệu đồng*
Vay NHNN		
Vay theo gói hỗ sơ tín dụng	**564.074**	**697.937**

9. TIỀN GỬI VÀ VAY CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG ("TCTD"), TỔ CHỨC TÀI CHÍNH KHÁC

	31/12/2021 triệu đồng	*31/12/2020 triệu đồng*
Tiền gửi của các TCTD khác	**53.315.464**	**19.401.344**
Tiền gửi không kỳ hạn	14.026.784	7.130.727
- Bằng VND	*14.026.784*	*7.130.727*
Tiền gửi có kỳ hạn	39.288.680	12.270.617
- Bằng VND	*31.029.000*	*8.738.000*
- Bằng ngoại tệ	*8.259.680*	*3.532.617*
Vay các TCTD, tổ chức tài chính khác	**33.700.496**	**21.478.614**
Vay các TCTD trong nước, các ngân hàng nước ngoài, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác tại Việt Nam	12.442.198	10.993.052

	31/12/2021 triệu đồng	*31/12/2020 triệu đồng*
- Bằng VND	*5.800.000*	*2.740.000*
- Bằng ngoại tệ	*2.059.200*	-
- Vay chiết khấu GTCG	*4.582.998*	*8.253.052*
Vay các TCTD tại nước ngoài khác	*343.200*	*346.335*
- Bằng ngoại tệ	*343.200*	*346.335*
Vay tổ chức tài chính quốc tế - International Finance Corporation ("IFC") - World Bank Group	*1.307.429*	*1.979.057*
- Bằng ngoại tệ	*1.307.429*	*1.979.057*
Vay các TCTD trong nước, các ngân hàng nước ngoài, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác tại Việt Nam cho mục đích tài trợ thương mại	13.168.100	3.868.752
- Bằng VND	*8.842.922*	*2.225.464*
- Bằng ngoại tệ	*4.325.178*	*1.643.288*
Vay các TCTD tại nước ngoài khác cho mục đích tài trợ thương mại	6.439.569	4.291.418
- Bằng ngoại tệ	*6.439.569*	*4.291.418*
	87.015.960	**40.879.958**

10. TIỀN GỬI CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2021 triệu đồng	*31/12/2020 triệu đồng*
Tiền gửi không kỳ hạn	**30.774.998**	**21.201.387**
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	28.931.897	19.611.094
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	1.843.101	1.590.293
Tiền gửi có kỳ hạn	**107.067.529**	**93.444.094**
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	101.812.538	85.953.924
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	5.254.991	7.490.170
Tiền gửi vốn chuyên dụng	**19.707**	**1.428**
Tiền gửi vốn chuyên dụng bằng VND	929	585
Tiền gửi vốn chuyên dụng bằng ngoại tệ	18.778	843
Tiền ký quỹ	**1.700.028**	**1.256.617**
Tiền gửi ký quỹ bằng VND	1.644.867	1.217.550
Tiền gửi ký quỹ bằng ngoại tệ	55.161	39.067
	139.562.262	**115.903.526**

11. VỐN TÀI TRỢ, ỦY THÁC ĐẦU TƯ, CHO VAY TCTD CHỊU RỦI RO

	31/12/2021 triệu đồng	*31/12/2020 triệu đồng*
Vốn nhận của các tổ chức, cá nhân trong nước khác bằng VND	172.864	226.796
Vốn nhận trực tiếp của các tổ chức tài chính quốc tế bằng ngoại tệ	228.800	461.780
	401.664	**688.576**

12. PHÁT HÀNH GIẤY TỜ CÓ GIÁ

	31/12/2021 triệu đồng	*31/12/2020 triệu đồng*
Giấy tờ có giá bằng VND		
Mệnh giá	35.412.000	27.438.922
Chiết khấu	(6.853)	(104)
	35.405.147	**27.438.818**

Chi tiết kỳ hạn của các giấy tờ có giá phát hành tại thời điểm cuối năm như sau:

	Trái phiếu ghi sổ triệu đồng	*Chứng chỉ tiền gửi triệu đồng*	*Tổng triệu đồng*
Dưới 12 tháng (Dưới 366 ngày)			
- Bằng VND	-	*5.000.000*	*5.000.000*
Từ 12 tháng đến 5 năm (Từ 366 - 1826 ngày)			
- Bằng VND	*20.850.000*	*5.462.279*	*26.312.279*
Trên 5 năm (Trên 1826 ngày)			
- Bằng VND	*3.536.900*	*562.821*	*4.099.721*
Số dư cuối năm	**24.386.900**	**11.025.100**	**35.412.000**

13. VỐN VÀ QUỸ CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG

13.1 Báo cáo tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

Tình hình thay đổi vốn của Ngân hàng trong năm 2021 được thể hiện trong bảng dưới đây:

	Vốn điều lệ	*Thặng dư vốn cổ phần triệu đồng*	*Cổ phiếu quỹ triệu đồng*	*Quỹ dự phòng tài chính triệu đồng*	*Quỹ bổ sung vốn điều lệ triệu đồng*	*Lợi nhuận chưa phân phối triệu đồng*	*Tổng số triệu đồng*
Tại ngày 01/01/2021	**10.716.717**	**51.071**	**(908.599)**	**699.517**	**162.833**	**6.022.859**	**16.744.398**
Phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ	1.000.000	2.283.500	-	-	-	-	3.283.500
Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu	4.100.838	-	-	-	-	(4.100.838)	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	4.829.179	4.829.179
Bán cổ phiếu quỹ	-	226.394	908.599	-	-	-	1.134.993
Trích quỹ dự trữ trong năm (*)	-	-	-	351.019	175.510	(526.529)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm từ lợi nhuận để lại (*)	-	-	-	-	-	(5.000)	(5.000)
Tại ngày 31/12/2021	**15.817.555**	**2.560.965**	**-**	**1.050.536**	**338.343**	**6.219.671**	**25.987.070**

(*) Trích quỹ trong năm được thực hiện theo phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2020 được thông qua tại Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông số 01/2021/NQ-TPB.ĐHĐCĐ ngày 23 tháng 04 năm 2021.

13.2 Cổ phiếu

Chi tiết cổ phiếu của Ngân hàng như sau:

	31/12/2021 cổ phiếu	*31/12/2020 cổ phiếu*
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.581.755.495	1.071.671.722
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	*1.581.755.495*	*1.071.671.722*
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông	-	*(40.016.056)*
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	*1.581.755.495*	*1.031.655.666*
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng)	10.000	10.000

14. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông của Ngân hàng chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm. Chi tiết lãi cơ bản trên cổ phiếu của Ngân hàng như sau:

	Năm 2021	*Năm 2020 (trình bày lại)*
Lợi nhuận sau thuế (triệu đồng)	**4.829.179**	**3.510.189**
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm	-	(5.000)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (triệu đồng)	**4.829.179**	**3.505.189**
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông sau ảnh hưởng (cổ phiếu)	1.493.201.259	1.412.177.554
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (đồng)	**3.234**	**2.482**

15. THU NHẬP LÃI VÀ CÁC KHOẢN THU NHẬP TƯƠNG TỰ

	31/12/2021 triệu đồng	*31/12/2020 triệu đồng*
Thu nhập lãi tiền gửi	43.824	172.062
Thu nhập lãi cho vay khách hàng	13.361.893	11.192.942
Thu lãi từ chứng khoán đầu tư	2.955.946	2.591.931
Thu từ nghiệp vụ bảo lãnh	391.743	255.845

	31/12/2021 triệu đồng	*31/12/2020 triệu đồng*
Thu lãi từ nghiệp vụ mua bán nợ	64.062	94.340
Thu khác từ hoạt động tín dụng	609.349	521.115
Trong đó:		
- Thu phí liên quan đến tín dụng	*437.670*	*388.120*
	17.426.817	**14.828.235**

16. CHI PHÍ LÃI VÀ CÁC CHI PHÍ TƯƠNG TỰ

	31/12/2021 triệu đồng	*31/12/2020 triệu đồng*
Trả lãi tiền gửi	5.059.220	5.166.520
Trả lãi tiền vay	356.603	394.936
Trả lãi phát hành giấy tờ có giá	1.456.974	1.181.703
Chi phí hoạt động tín dụng khác	607.971	466.019
	7.480.768	**7.209.178**

17. LÃI THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ

	31/12/2021 triệu đồng	*31/12/2020 triệu đồng*
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	**2.259.689**	**1.539.850**
Thu từ dịch vụ thanh toán	703.008	566.441
Thu từ dịch vụ ngân quỹ	6.473	5.770
Thu từ kinh doanh, dịch vụ tư vấn và bảo hiểm	955.482	575.909
Thu khác	594.726	391.730
Chi phí hoạt động dịch vụ	**(717.223)**	**(602.817)**
Bưu điện, viễn thông	(116.895)	(82.975)
Chi về dịch vụ thanh toán	(304.175)	(301.448)
Chi về ngân quỹ	(18.009)	(15.181)
Chi về dịch vụ tư vấn và nghiệp vụ ủy thác, đại lý	(3.361)	(5.044)
Chi khác	(274.783)	(198.169)
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	**1.542.466**	**937.033**

18. LÃI THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NGOẠI HỐI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

	31/12/2021 triệu đồng	*31/12/2020 triệu đồng*
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	**1.681.844**	**1.361.791**
Thu từ kinh doanh ngoại tệ giao ngay và vàng	772.655	686.546
Thu từ các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	909.189	675.245
Chi phí hoạt động kinh doanh ngoại hối	**(1.308.470)**	**(953.653)**
Chi về kinh doanh ngoại tệ giao ngay và vàng	(364.800)	(304.394)
Chi về các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	(943.670)	(649.259)
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	**373.374**	**408.138**

19. LÃI THUẦN TỪ MUA BÁN CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ

	31/12/2021 triệu đồng	*31/12/2020 triệu đồng*
Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	1.791.644	850.760
Chi phí về mua bán chứng khoán đầu tư	(153.585)	(101.926)
Chi phí dự phòng chứng khoán đầu tư	(228.317)	(38.154)
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	**1.409.742**	**710.680**

20. LÃI THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	31/12/2021 triệu đồng	*31/12/2020 triệu đồng*
Thu nhập từ hoạt động khác	**495.761**	**1.096.636**
Thu nhập từ nợ đã xử lý rủi ro	247.956	138.506
Thu từ thanh lý tài sản	166	1
Thu nhập khác	247.639	958.129
Chi phí hoạt động khác	**249.984**	**402.355**
Chi phí khác	249.984	402.355
Lãi thuần từ hoạt động khác	**245.777**	**694.281**

21. TỔNG CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG

	Năm 2021 triệu đồng	*Năm 2020 triệu đồng*
Chi nộp thuế và các khoản phí, lệ phí	**996**	**195**
Chi phí cho nhân viên	**2.537.952**	**2.254.907**
Chi lương và phụ cấp	2.323.220	2.052.293

	Năm 2021 triệu đồng	*Năm 2020 triệu đồng*
Chi trang phục giao dịch và phương tiện bảo hộ lao động	3.750	5.437
Các khoản chi đóng góp theo lương	123.597	110.359
Chi trợ cấp	10.983	10.990
Các khoản chi khác	76.402	75.828
Chi về tài sản	**816.441**	**702.215**
Trong đó:		
Khấu hao tài sản cố định	257.062	211.559
Bảo dưỡng và sửa chữa tài sản	88.731	74.738
Mua sắm công cụ lao động	106.697	97.478
Chi bảo hiểm tài sản	12.967	15.284
Chi khác về tài sản	350.984	303.156
Chi cho hoạt động quản lý công vụ	**1.126.074**	**1.127.922**
Trong đó:		
Công tác phí	5.561	10.484
Chi về hoạt động đoàn thể	1.251	1.385
Vật liệu văn phòng, xăng dầu	71.283	65.253
Điện, nước, vệ sinh cơ quan	64.349	58.715
Chi bưu phí và điện thoại	67.059	64.632
Chi hội nghị, lễ tân, khánh tiết	157.867	130.756
Chế xuất bản tài liệu, tuyên truyền, quảng cáo, tiếp thị, khuyến mại	235.298	293.578
Chi đào tạo, huấn luyện	1.654	2.142
Chi phí quản lý khác	521.752	500.977
Chi nộp phí bảo hiểm, bảo toàn tiền gửi của khách hàng	**88.230**	**73.580**
Chi phí dự phòng (không tính chi phí dự phòng rủi ro tín dụng nội và ngoại bảng; chi phí dự phòng giảm giá chứng khoán)	**1.003**	**38.474**
	4.570.696	**4.197.293**

22. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền thuần thể hiện trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ bao gồm các khoản trên bảng cân đối kế toán sau đây:

	Năm 2021 triệu đồng	*Năm 2020 triệu đồng*
Tiền và các khoản tương đương tiền tại quỹ	2.553.309	2.214.265

	Năm 2021 triệu đồng	*Năm 2020 triệu đồng*
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	18.039.848	9.108.762
Tiền gửi tại các TCTD khác không kỳ hạn	19.318.051	7.685.780
Tiền gửi tại các TCTD khác có kỳ hạn không quá 91 ngày	16.550.000	1.000.000
	56.461.208	**20.008.807**

23. TÌNH HÌNH THU NHẬP CỦA CÁN BỘ CÔNG NHÂN VIÊN

	Năm 2021 triệu đồng	*Năm 2020 triệu đồng*
I. Tổng số cán bộ, công nhân viên bình quân (người)	**7.322**	**6.682**
II. Thu nhập của cán bộ, công nhân viên		
1. Tổng thu nhập (quỹ lương và thưởng)	2.537.952	2254.907
2. Thu nhập bình quân tháng	28,89	28,12

24. TỶ GIÁ MỘT SỐ LOẠI NGOẠI TỆ SO VỚI VND VÀO THỜI ĐIỂM KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

	Năm 2021 (VND)	*Năm 2020 (VND)*
USD	22.880	23.089
GBP	30.747	31.474
JPY	198	223
HKD	2.930	2.987
AUD	16.518	17.755
SGD	16.854	17.464
CAD	17.885	18.115
EUR	25.869	28.527
XAU	6.146.000	5.585.000
CNY	3.616	3.605
CHF	24.954	26.215

Người lập | **Người kiểm soát** | **Người phê duyệt**

Bà Lê Cẩm Tú
Kế toán trưởng

Ông Nguyễn Lâm Hoàng
Giám đốc Khối Tài chính

Ông Nguyễn Hưng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam,
Ngày 28 tháng 02 năm 2022

ĐỊNH HƯỚNG
KINH DOANH
2022

KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2022

Tiếp tục thực hiện mục tiêu chiến lược theo lộ trình đã đề ra, với những thành quả đã đạt được, năm 2022, TPBank đặt mục tiêu tăng cường vị thế của mình là một ngân hàng uy tín, hiệu quả, chất lượng.

Theo đó, TPBank đặt mục tiêu tăng trưởng lợi nhuận khoảng 36% trong năm 2022. Các chương trình hành động và nhiều giải pháp được đưa ra như nâng cao hiệu quả, chất lượng cũng như số lượng đội ngũ quản lý đơn vị, lực lượng cán bộ bán hàng; phát triển cơ sở khách hàng đa dạng, chất lượng, tăng cường bán chéo sản phẩm dịch vụ; tập trung vào hiệu quả, gia tăng thu nhập ngoài lãi, thực hiện cá biệt hóa mạnh mẽ trong chính sách khách hàng và sản phẩm đối với từng phân khúc khách hàng riêng biệt; tăng cường ứng dụng công nghệ hiện đại, đổi mới số toàn diện trong tất cả các hoạt động của ngân hàng.

Đồng thời, TPBank phải quản lý tốt bảng cân đối, hài hòa giữa các mục tiêu ngắn hạn và dài hạn bảo đảm có hiệu quả tối ưu cho ngân hàng; đặc biệt chú trọng việc nâng cao tỷ lệ CASA nhằm giảm chi phí vốn, gia tăng NIM để tăng thêm hiệu quả kinh doanh và tăng cường kiểm soát, thu hồi, xử lý nợ xấu.

Với định hướng và mục tiêu xuyên suốt, TPBank đã đặt các mục tiêu tài chính cụ thể như sau:

Đơn vị tính: tỷ đồng, %

STT	Chỉ tiêu	Năm 2021 (Đã kiểm toán)	Kế hoạch 2022	Tăng trưởng
1	**Tổng tài sản**	**292.827**	**350.000**	**120%**
2	**Vốn điều lệ**	**15.818**	**15.818**	**100%**
3	**Tổng huy động**	**262.385**	**292.579**	**112%**
3.1	Tiền gửi khách hàng & Phát hành GTCG	174.967	201.212	115%
3.2	Tiền gửi & vay của TCTD khác	87.016	91.367	105%
3.3	Vốn tài trợ ủy thác	402	-	-
4	**Dư nợ cho vay và trái phiếu TCKT (1)**	**160.817**	**188.800**	**118%**
5	**Tỷ lệ nợ xấu cho vay**	**0,81%**	**≤1,5%**	**-**
6	**Lợi nhuận trước thuế**	**6.038**	**8.200**	**136%**
7	**CAR**	**13,39%**	**>12%**	**-**
8	**ROE**	**22,61%**	**22,41%**	**-**
9	**CIR**	**33,82%**	**35,00%**	**-**

Ghi chú:
(1) Kế hoạch dư nợ cho vay và đầu tư TPDN là 188.800 tỷ đồng, cần phải được NHNN chấp thuận

Như vậy, với kế hoạch đã đề ra, năm 2022 TPBank sẽ đạt quy mô tổng tài sản 350 nghìn tỷ đồng; Lợi nhuận trước thuế chưa hợp nhất 8.200 tỷ đồng; Tỷ lệ nợ xấu trong tầm kiểm soát không quá 1,5%; Các tỷ lệ an toàn trong hoạt động ngân hàng luôn được đảm bảo, thanh khoản luôn tốt.

TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI

45.000

70

43.000

10

TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI

Trong năm 2021, không chỉ nỗ lực vượt qua rất nhiều khó khăn, thách thức để duy trì đà tăng trưởng, TPBank còn tiếp tục tiên phong sẻ chia khó khăn cùng Chính phủ trên hành trình chống dịch Covid-19. Hàng trăm máy thở cao cấp cùng rất nhiều trang thiết bị vật tư y tế thiết yếu đã được TPBank trao cho các bệnh viện ở tuyến đầu chống dịch tại Hà Nội, TP. HCM và nhiều tỉnh thành trên cả nước, nâng tổng số tiền mà TPBank và DOJI đóng góp cho công cuộc chống dịch lên tới trên 70 tỷ đồng.

Tháng 7/2021, ngân hàng đã chủ động xây dựng các chương trình, các gói miễn giảm lãi suất cho khách hàng trong 06 tháng cuối năm, với mức giảm từ 0,5 -1,2%. Tổng số dư nợ hỗ trợ khách hàng lần này được TPBank ước tính gần 45 nghìn tỷ đồng. Tính từ năm 2020, TPBank đã miễn, giảm và hạ lãi suất cho khoảng 43.000 khách hàng.

Cùng với đó, với nhận thức rõ và thực hiện trách nhiệm với xã hội trong "sự nghiệp trồng người", TPBank đã ủng hộ 10 tỷ đồng cho "Sóng và máy tính cho em" - chương trình hỗ trợ thiết bị học trực tuyến cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn trên cả nước.

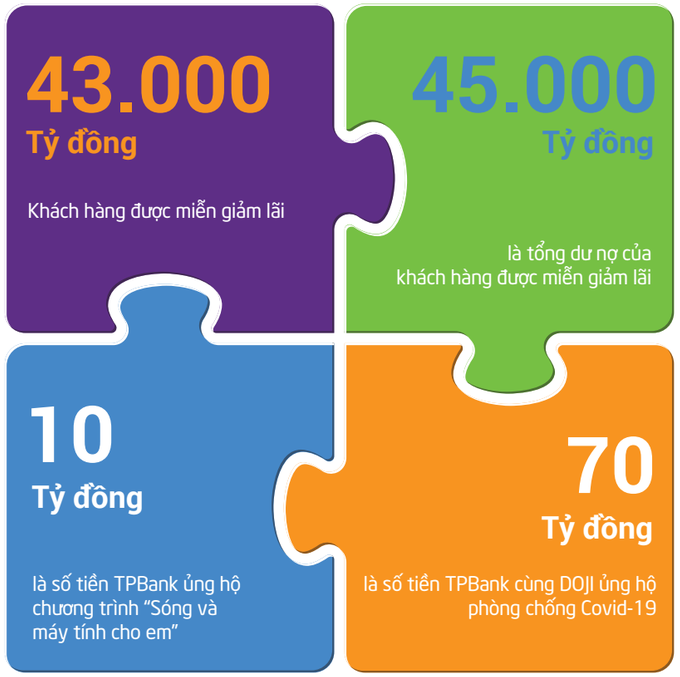

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TIỀN TỆ KHÁC

Nhận tiền gửi, phát hành chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu và các giấy tờ có giá; vay vốn của Ngân hàng Nhà nước và của các tổ chức tín dụng;...cấp tín dụng dưới nhiều hình thức cho vay, chiết khấu thương phiếu và giấy tờ có giá, bảo lãnh, cho thuê tài chính; cung ứng các phương tiện thanh toán, thực hiện các dịch vụ thanh toán trong nước và quốc tế, thu hộ chi hộ, thu và chi tiền mặt cho khách hàng; tổ chức hệ thống thanh toán nội bộ và tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng trong nước; ...góp vốn, mua cổ phần, tham gia thị trường tiền tệ, kinh doanh ngoại hối và vàng; cung ứng dịch vụ bảo hiểm, kinh doanh bảo hiểm, tư vấn tiền tệ cho khách hàng; bảo quản hiện vật quý, giấy tờ có giá, cho thuê tủ két, cầm đồ; cho vay ra nước ngoài; hoạt động mua nợ; kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh lãi suất và các hoạt động khác sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận.

HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ QUỸ

Đầu tư hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ theo quy định của pháp luật và của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

BÁN LẺ HÀNG HÓA KHÁC MỚI TRONG CÁC CỬA HÀNG CHUYÊN DOANH

Kinh doanh mua, bán vàng trang sức, mỹ nghệ.

MẠNG LƯỚI
HOẠT ĐỘNG

MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Ngân hàng có:

01 Hội sở chính

01 Văn phòng đại diện tại Thành phố Hồ Chí Minh,

53 chi nhánh

67 phòng giao dịch tại các tỉnh và thành phố trên cả nước

380 hệ thống điểm giao dịch tự động 24/7 LiveBank

Live BANK 24/7

Miền Bắc:		Miền Trung:		Miền Nam:	
Hà Nội:	31	Đà nẵng:	3	Tp. Hồ Chí Minh:	29
Hải Phòng:	3	Quảng Nam:	1	Cần Thơ:	2
Quảng Ninh:	2	Dak Lak:	2	Đồng Nai:	2
Thanh Hóa:	2	Khánh Hoà:	2	An Giang:	1
Nam Định:	1	Nghệ An:	2	Bình Dương:	2
Bắc Ninh:	1	Quảng Ngãi:	1	Kiên Giang:	2
Thái Nguyên:	1			Tiền Giang:	1
Lào Cai:	1			Bà Rịa - Vũng Tàu:	1
Bắc Giang:	1				

TPBank
Vì chúng tôi hiểu bạn

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2021

NGÂN HÀNG TMCP TIÊN PHONG

1900 58 58 85 | 1900 6036 | https://tpb.vn | TPBank